

Phụ lục II

PHÂN LOẠI MỨC ĐÓNG GÓI HÀNG HÓA NGUY HIỂM (Kèm theo Thông tư số /2020/TT-BCT ngày tháng năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

1. Chất lỏng dễ cháy

a) Chất lỏng dễ cháy được đóng gói theo quy định sau đây:

Nhóm đóng gói	Nhiệt độ chớp cháy cốc kín	Điểm sôi bắt đầu
I	-	$\leq 35^{\circ}\text{C}$
II	$\leq 23^{\circ}\text{C}$	$> 35^{\circ}\text{C}$
III	$\geq 23^{\circ}\text{C} \leq 60^{\circ}\text{C}$	$> 35^{\circ}\text{C}$

Đối với chất lỏng có rủi ro phụ, nhóm đóng gói được căn cứ vào bảng trên và tính nghiêm trọng của rủi ro phụ.

b) Chất lỏng và hỗn hợp chất dẻo bao gồm hỗn hợp chứa nhỏ hơn 20% Nitrocellulose với Nito không vượt quá 12,6% khối lượng được xếp vào nhóm đóng gói III với các yêu cầu sau:

- Chiều cao của lớp không hoà tan nhỏ hơn hoặc bằng 3% chiều cao của hỗn hợp chất.

- Độ nhớt và nhiệt độ chớp cháy tuân theo bảng sau:

Độ nhớt động học ở 23°C (mm^2/s)	Thời gian chảy theo quy định tại ISO 2431:1993		Nhiệt độ chớp cháy ($^{\circ}\text{C}$)
	Thời gian (s)	Đường kính ống (mm)	
$20 < v \leq 80$	$20 < t \leq 60$	4	> 17
$80 < v \leq 135$	$60 < t \leq 100$	4	> 10
$135 < v \leq 220$	$20 < t \leq 32$	6	> 5
$220 < v \leq 300$	$32 < t \leq 44$	6	> -1
$300 < v \leq 700$	$44 < t \leq 100$	6	> -5
$700 < v$	$100 < t$	6	≤ -5

Ghi chú: Hỗn hợp chất có $20\% < \text{Nitrocellulose} < 55\%$ với Nito không vượt quá 12,6% khối lượng được xếp vào chất có số UN 2059.

Các hợp chất có nhiệt độ chớp cháy nhỏ hơn 23°C có chứa:

+ Lớn hơn 55% Nitrocellulose với bất kỳ hàm lượng Nito.

+ Nhỏ hơn 55% Nitrocellulose với Nito không vượt quá 12,6% khối lượng được xếp loại vào chất có số UN 0340 hoặc UN 0342 hoặc UN 2555 hoặc UN 2556 hoặc UN 2557.

2. Chất rắn dễ cháy được thử nghiệm theo phương pháp mô tả tại Phần III, tiểu mục 33.2.1 Sách hướng thử nghiệm và tiêu chuẩn (Khuyến cáo Liên hợp quốc về vận chuyển hàng hoá nguy hiểm), được phân loại đóng gói như sau:

a) Đốt cháy chất rắn dễ cháy thời gian nhỏ hơn 45 giây với khoảng cách 100 mm

- Đóng gói mức II (PG II) đối với chất cháy qua vùng ẩm.

- Đóng gói mức III (PG III) đối với chất không cháy qua vùng ẩm trong thời gian tối thiểu 4 phút.

b) Bột kim loại hoặc hỗn hợp kim loại

- Đóng gói mức II (PG II) đối với chất cháy qua chiều dài thử nghiệm trong thời gian nhỏ hơn hoặc bằng 5 phút.

- Đóng gói mức III (PG III) đối với chất cháy qua chiều dài mẫu thử lớn hơn 5 phút.

3. Chất dễ tự bốc cháy được phân loại đóng gói I, II, III theo quy định sau:

- Đóng gói mức I (PG I) đối với chất có khả năng tự cháy.

- Đóng gói mức II (PG II) đối với chất tự cháy hoặc tăng nhiệt độ lên hơn 200°C trong vòng 24 giờ với mẫu thử $2,5\text{ cm}^3$ tại nhiệt độ thử là 140°C hoặc là các chất tự cháy tại nhiệt độ 50°C với thể tích là 450 lít.

- Đóng gói mức III (PG III) đối với chất tự cháy hoặc tăng nhiệt độ lên hơn 200°C trong vòng 24 giờ với mẫu thử 10 cm^3 tại nhiệt độ thử là 140°C .

4. Chất phát ra khí dễ cháy khi gặp nước được phân loại đóng gói I, II, III theo quy định sau:

- Đóng gói mức I (PG I) đối với chất phản ứng mãnh liệt với nước ở nhiệt độ môi trường và thường có xu hướng khí tạo thành tự bắt cháy hoặc phản ứng dễ dàng với nước ở nhiệt độ môi trường mà tốc độ giải phóng khí dễ cháy lớn hơn hoặc bằng 10 lít/kg hợp chất trong mỗi phút.

- Đóng gói mức II (PG II) đối với chất phản ứng dễ dàng với nước ở nhiệt độ môi trường và tốc độ giải phóng khí lớn hơn hoặc bằng 20 lít/kg hợp chất mỗi giờ và không thuộc đóng gói nhóm I.

- Đóng gói mức III (PG III) đối với chất phản ứng chậm với nước ở nhiệt độ môi trường và tốc độ giải phóng khí lớn hơn hoặc bằng 1 lít/kg hợp chất trong một giờ và không thuộc đóng gói mức I, II.

Phụ lục III

YÊU CẦU VỀ PHƯƠNG TIỆN CHỨA HÀNG HÓA NGUY HIỂM

(Kèm theo Thông tư số /2020/TT-BCT ngày tháng năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

I. YÊU CẦU CHUNG

1. Hàng hóa nguy hiểm phải được đóng gói trong các phương tiện chứa đủ vững chắc để có thể chịu được những va chạm và tác động của thời tiết trong quá trình vận chuyển, chuyển tiếp hàng hoá giữa các phương tiện và xếp dỡ vào kho tàng bằng thủ công hoặc thiết bị cơ giới. Phương tiện chứa phải đảm bảo kết cấu đủ kín để hàng hóa bên trong không bị thất thoát trong quá trình chuẩn bị vận chuyển hoặc khi vận chuyển với các tác động như rung lắc, tăng nhiệt độ, độ ẩm và áp suất.

2. Các phần tiếp xúc với hàng hóa nguy hiểm của phương tiện chứa phải đảm bảo:

a) Không bị ảnh hưởng hay bị suy giảm chất lượng do tác động của loại hàng đóng gói bên trong.

b) Không phản ứng hoặc làm xúc tác phản ứng với các loại hàng mà nó bao gói.

c) Cho phép dùng lớp lót trợ thích hợp để làm lớp lót bảo vệ, cách ly bao gói với loại hàng đóng gói bên trong.

3. Khi đóng gói chất lỏng, cần để lại khoảng không gian cần thiết để đảm bảo bao gói không bị rò rỉ hay biến dạng xảy ra vì sự tăng thể tích của các chất lỏng được bao gói khi nhiệt độ tăng trong quá trình vận chuyển. Nếu việc đóng gói chất lỏng diễn ra ở 50°C, thì chỉ được phép nạp tối đa 98% thể tích của đơn vị bao gói. Khi đóng gói chất lỏng ở nhiệt độ 15°C, mức độ nạp chất lỏng vào đơn vị bao gói cần tính toán theo bảng sau:

Nhiệt độ sôi (°C)	<60	≥60	≥100	≥200	≥300
		<100	<200	<300	
Mức độ nạp (Phần trăm thể tích bình chứa)	90	92	94	96	98

4. Các lớp bao gói trong, khi hàng hóa nguy hiểm được đóng gói hai lớp phải đảm bảo sao cho trong điều kiện vận chuyển bình thường, không bị vỡ, đâm thủng hoặc rò rỉ các chất được bao gói ra lớp bao gói bên ngoài.

5. Các loại bao gói bên trong thuộc dạng dễ bị vỡ hoặc đâm thủng như các loại thủy tinh, sành sứ hoặc một số loại nhựa nhất định... cần phải được

chèn cố định với lớp bao gói ngoài bằng các vật liệu chèn, đệm giảm chấn động thích hợp có tính trợ đối với hàng hóa nguy hiểm được bao gói.

6. Không đóng gói trong cùng một bao gói ngoài hoặc trong cùng thùng chứa, côngtenơ các bao gói trong chứa hàng hóa nguy hiểm thuộc các nhóm khác nhau có thể phản ứng với nhau và gây ra các hiện tượng:

- a) Bùng cháy hoặc phát nhiệt lớn.
- b) Phát nhiệt hoặc bùng cháy tạo hơi ngạt, ô xy hoá hay khí độc.
- c) Tạo ra chất có tính ăn mòn mạnh.
- d) Tạo ra các chất không bền.

7. Độ kín của phương tiện chứa các chất được làm ẩm hoặc pha loãng phải đủ kín để đảm bảo trong quá trình vận chuyển hàm lượng chất lỏng làm ẩm hoặc pha loãng không xuống thấp dưới mức giới hạn.

8. Hàng hóa nguy hiểm có khả năng sinh khí làm tăng áp suất bên trong phương tiện chứa phải có cơ cấu thông hơi gắn trên nắp phương tiện chứa nếu hơi thoát ra không gây nguy hiểm độc, cháy nổ và khối lượng khí thoát ra ở mức nhỏ không gây nguy hiểm. Cơ cấu thoát khí cần phải thiết kế sao cho không gây ra rò rỉ các chất được bao gói cũng như không cho phép các vật lạ xâm nhập vào bên trong trong quá trình vận chuyển bình thường.

9. Các loại thùng chứa, bao gói rỗng đã chứa đựng hàng hóa nguy hiểm cần phải được quản lý như bao gói đang chứa hàng hóa nguy hiểm.

10. Các phương tiện chứa chất lỏng, khí nguy hiểm đều phải thử nghiệm độ rò rỉ trước khi sử dụng.

11. Phương tiện chứa hàng hóa nguy hiểm dạng rắn có khả năng chuyển đổi thành trạng thái lỏng trong quá trình vận chuyển cần phải được chế tạo theo tiêu chuẩn chứa hàng hóa nguy hiểm ở trạng thái lỏng. Các chất có điểm chảy bằng hoặc thấp hơn 45°C được coi là các chất có khả năng thay đổi trạng thái thành chất lỏng.

12. Phương tiện chứa hàng hóa nguy hiểm dạng hạt hay bột cần phải đủ kín để tránh rơi lọt hoặc cần có các lớp đệm lót kín.

13. Các phương tiện chứa được chế tạo để đóng gói hàng hóa nguy hiểm ở mức đóng gói cao được phép sử dụng để đóng gói hàng hóa nguy hiểm ở mức đóng gói thấp hơn.

14. Các bao gói được chế tạo mới hay tái chế, sử dụng lại phải đảm bảo được các yêu cầu kỹ thuật và định kỳ thử nghiệm, kiểm tra theo quy định. Việc sử dụng lại các bao gói, thùng chứa phải tuân thủ các yêu cầu sau:

- Không sử dụng các loại bao gói bằng nhựa quá 5 năm kể từ ngày sản xuất để đóng gói, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm; không sử dụng lại các loại bao gói, thùng chứa bằng nhựa để đóng gói, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm có mức đóng gói PG I.

- Không sử dụng lại các loại bao gói, thùng chứa có dấu hiệu hư hỏng, rạn nứt. Các loại bao gói, thùng chứa có nắp thông hơi, khi sử dụng lại phải thay mới cơ cấu thông hơi.

15. Các loại hàng hóa nguy hiểm có khả năng phản ứng với nhau không được chở chung trên cùng một phương tiện. Bảng sau đây chỉ dẫn những hàng hóa nguy hiểm được chuyên chở trên cùng phương tiện:

	2.1 2.2 2.3	3	4.1	4.1+1	4.2	4.3	5.1	5.2	5.2+1	6.1	6.2	7A, B,C	8	9
2.1 2.2 2.3	X	X	X		X	X	X	X		X	X	X	X	X
3	X	X	X		X	X	X	X		X	X	X	X	X
4.1	X	X	X		X	X	X	X		X	X	X	X	X
4.1+1				X										
4.2	X	X	X		X	X	X	X		X	X	X	X	X
4.3	X	X	X		X	X	X	X		X	X	X	X	X
5.1	X	X	X		X	X	X	X		X	X	X	X	X
5.2	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
5.2+1									X					
6.1	X	X	X		X	X	X	X		X	X	X	X	X
6.2	X	X	X		X	X	X	X		X	X	X	X	X
7 A,B,C	X	X	X		X	X	X	X		X	X	X	X	X
8	X	X	X		X	X	X	X		X	X	X	X	X
9	X	X	X		X	X	X	X		X	X	X	X	X

Các dấu (X) là dấu hiệu cho phép được thực hiện

truat

II. CHI TIẾT VỀ YÊU CẦU ĐÓNG GÓI

1. Yêu cầu đóng gói loại P001

Đóng kiện		Khối lượng tối đa cho một kiện hàng (kg)		
Bao gói trong và vật liệu bao gói	Bao gói ngoài và vật liệu bao gói	Nhóm rất nguy hiểm (I)	Nhóm nguy hiểm (II)	Nhóm nguy hiểm thấp (III)
Thủy tinh 10 lít Nhựa 30 lít Kim loại 40 lít	Thùng tròn^b			
	Sắt	250 kg	400 kg	400 kg
	Nhôm	250 kg	400 kg	400 kg
	Kim loại khác	250 kg	400 kg	400 kg
	Nhựa	250 kg	400 kg	400 kg
	Gỗ dán	150 kg	400 kg	400 kg
	Xơ ép (fibre)	75 kg	400 kg	400 kg
	Hộp			
	Sắt	250 kg	400 kg	400 kg
	Nhôm	250 kg	400 kg	400 kg
	Gỗ tự nhiên	150 kg	400 kg	400 kg
	Gỗ dán	150 kg	400 kg	400 kg
	Gỗ tái chế	75 kg	400 kg	400 kg
	Tấm xơ ép (<i>fibreboard</i>)	75 kg	400 kg	400 kg
	Nhựa dẻo	60 kg	60 kg	60 kg
	Nhựa cứng	150 kg	400 kg	400 kg
	Can (<i>Jerrican</i>)^c			
Sắt	120 kg	120 kg	120 kg	
Nhôm	120 kg	120 kg	120 kg	
Nhựa	120 kg	120 kg	120 kg	
Đóng thùng đơn				
Dạng thùng tròn				
Bằng thép, nắp liền		250 lít	450 lít	450 lít
Bằng thép, nắp rời		250 lít ^a	450 lít	450 lít
Bằng nhôm, nắp liền		250 lít	450 lít	450 lít
Bằng nhôm, nắp rời		250 lít ^a	450 lít	450 lít
Kim loại khác, nắp liền		250 lít	450 lít	450 lít
Kim loại khác, nắp rời		250 lít ^a	450 lít	450 lít
Nhựa, nắp liền		250 lít	450 lít	450 lít
Nhựa, nắp rời		250 lít ^a	450 lít	450 lít
Can				

Bằng thép, nắp liền	60 lít	60 lít	60 lít
Bằng thép, nắp rời	60 lít ^a	60 lít	60 lít
Bằng nhôm, nắp liền	60 lít	60 lít	60 lít
Bằng nhôm, nắp rời	60 lít ^a	60 lít	60 lít
Nhựa, nắp liền	60 lít	60 lít	60 lít
Nhựa, nắp rời	60 lít ^a	60 lít	60 lít
Bao gói hỗn hợp			
Chai nhựa, bao gói ngoài là thùng tròn bằng thép hoặc nhôm	250 lít	250 lít	250 lít
Chai nhựa, bao gói ngoài là thùng tròn bằng xơ ép, nhựa hoặc gỗ dán	120 lít	250 lít	250 lít
Chai nhựa, bao gói ngoài là thùng thưa bằng thép hoặc nhôm; Hộp hoặc thùng chứa bằng nhựa, bao gói ngoài bằng gỗ, gỗ dán, tấm xơ ép hoặc hộp nhựa cứng	60 lít	60 lít	60 lít
Chai thủy tinh, bao gói ngoài là thùng tròn bằng thép, tấm xơ ép, gỗ dán, nhựa đặc hoặc bao gói ngoài là thùng thưa bằng thép, nhôm, gỗ hoặc bao ngoài bằng giỏ mây	60 lít	60 lít	60 lít
<p>^a Chỉ áp dụng với các chất có độ nhớt lớn hơn 2680 mm²/s.</p> <p>^b Thùng tròn: Bao gói hình trụ có đáy phẳng hoặc đáy lồi làm bằng kim loại, nhựa, gỗ dán hoặc các loại phù hợp khác. Nó cũng bao gồm các bao gói có hình dạng khác, ví dụ, bao gói tròn, tròn hoặc dạng xô. Không bao gồm thùng gỗ (wooden barrel) và can (jerrican).</p> <p>^c Can (Jerrican): bao gói bằng kim loại hoặc nhựa có mặt cắt ngang hình chữ nhật hoặc đa giác với một hoặc nhiều miệng nắp.</p>			

2. Yêu cầu đóng gói loại P002

Đóng kiện		Khối lượng tối đa cho một kiện hàng (kg)		
Bao gói trong và vật liệu bao gói	Bao gói ngoài và vật liệu bao gói	Nhóm rất nguy hiểm (I)	Nhóm nguy hiểm (II)	Nhóm nguy hiểm thấp (III)
	Thùng tròn			
Thủy tinh 10 kg	Thép	400 kg	400 kg	400 kg
Nhựa ^a 50 kg	Nhôm	400 kg	400 kg	400 kg
Kim loại 50 kg	Kim loại khác thép hoặc nhôm	400 kg	400 kg	400 kg
Giấy ^{a, b, c} 50 kg	Nhựa	400 kg	400 kg	400 kg
Xơ ép ^{a, b, c} 50 kg	Gỗ dán	400 kg	400 kg	400 kg
	Xơ ép (fibre)	400 kg	400 kg	400 kg

Handwritten signature

	Hộp			
	Thép	400 kg	400 kg	400 kg
	Nhôm	400 kg	400 kg	400 kg
	Kim loại khác thép hoặc nhôm	400 kg	400 kg	400 kg
	Gỗ tự nhiên	250 kg	400 kg	400 kg
	Gỗ tự nhiên có lớp chống lọt bột	250 kg	400 kg	400 kg
	Gỗ dán	250 kg	400 kg	400 kg
	Gỗ tái chế	125 kg	400 kg	400 kg
	Tấm xơ ép	125 kg	400 kg	400 kg
	Nhựa mềm	60 kg	60 kg	60 kg
	Nhựa cứng	250 kg	400 kg	400 kg
	Can			
	Thép			
	Nhôm	120 kg	120 kg	120 kg
	Nhựa	120 kg	120 kg	120 kg
		120 kg	120 kg	120 kg
Đóng gói đơn				
Thùng tròn				
	Thép	400 kg	400 kg	400 kg
	Nhôm	400 kg	400 kg	400 kg
	Kim loại khác thép hoặc nhôm	400 kg	400 kg	400 kg
	Nhựa ^d	400 kg	400 kg	400 kg
	Xơ ép ^d	400 kg	400 kg	400 kg
	Gỗ dán ^d	400 kg	400 kg	400 kg
	Can			
	Thép	120 kg	120 kg	120 kg
	Nhôm	120 kg	120 kg	120 kg
	Nhựa	120 kg	120 kg	120 kg
	Hộp			
	Thép	Không cho phép	400 kg	400 kg
	Nhôm	Không cho phép	400 kg	400 kg

Gỗ tự nhiên	Không cho phép	400 kg	400 kg
Gỗ dán	Không cho phép	400 kg	400 kg
Gỗ tái chế ^d	Không cho phép	400 kg	400 kg
Gỗ tự nhiên có lớp chống lọt bột ^d	Không cho phép	400 kg	400 kg
Tấm xơ ép ^d	Không cho phép	400 kg	400 kg
Nhựa cứng ^d	Không cho phép	400 kg	400 kg
Túi			
Túi ^d	Không cho phép	50 kg	50 kg
Bao gói hỗn hợp			
Chai nhựa, bao gói ngoài là thùng tròn bằng thép, nhôm, gỗ dán, xơ ép hoặc nhựa.	400 kg	400 kg	400 kg
Chai nhựa, bao gói ngoài là thùng thưa hoặc hộp bằng thép, nhôm, hộp gỗ, gỗ dán, tấm xơ ép, nhựa cứng.	75 kg	75 kg	75 kg
Chai thủy tinh, bao gói ngoài là thùng tròn bằng thép, nhôm, tấm xơ ép hoặc thùng thưa bằng thép, nhôm hoặc hộp gỗ, giỏ đan, nhựa cứng, nhựa mềm.	75 kg	75 kg	75 kg
Bình chịu áp.			
a bao gói trong có lớp chống lọt.			
b bao gói trong không được sử dụng khi chứa chất có thể chuyển thành chất lỏng khi vận chuyển.			
c bao gói trong không được sử dụng cho chất đóng gói nhóm I.			
^d Đóng gói không được sử dụng cho chất có thể thành chất lỏng khi vận chuyển			

3. Yêu cầu đóng gói loại P003

Hàng hóa nguy hiểm phải được đặt trong bao gói bên ngoài phù hợp. Phải sử dụng các bao gói bên ngoài làm bằng vật liệu thích hợp, có độ bền và thiết kế phù hợp với khả năng đóng gói và mục đích sử dụng của nó. Trường hợp yêu cầu đóng gói này được sử dụng để vận chuyển các sản phẩm hoặc các bao gói bên trong của bao gói hỗn hợp, bao gói phải được thiết kế và kết cấu để ngăn ngừa việc đổ hàng trong điều kiện vận chuyển bình thường.

4. Yêu cầu đóng gói loại P004

Yêu cầu áp dụng cho UN 3473, 3476, 3477, 3478 và 3479.

Đóng gói cho các thùng tròn, hộp, bình đối với các hộp pin nhiên liệu, các hộp pin nhiên liệu được đóng gói với thiết bị hoặc chứa trong thiết bị.

5. Yêu cầu đóng gói loại P010

Bao gói trong	Bao gói ngoài	Khối lượng tối đa
Thủy tinh 1 l Thép 40 l	Thùng tròn	
	Thép	400 kg
	Nhựa	400 kg
	Gỗ dán	400 kg
	Xơ ép	400 kg
	Hộp	
	Thép	400 kg
	Gỗ tự nhiên	400 kg
	Gỗ dán	400 kg
	Gỗ hoàn nguyên	400 kg
	Ván xơ ép	400 kg
Nhựa giãn nở	60 kg	
Nhựa rắn	400 kg	
Bao gói đơn		Khối lượng tối đa
Thùng tròn thép, đầu không tháo rời		450 l
Bình chứa thép, đầu không tháo rời		60 l
Bao gói hỗn hợp Bình nhựa trong các thùng tròn bằng thép		250 l
Bình chịu áp bằng thép		

6. Yêu cầu đóng gói loại P200

a) Đóng gói loại P200 (trừ axetylen và khí đốt hoá lỏng) theo tiêu chuẩn đóng gói TCVN 6714:2000 - Chai chứa khí hóa lỏng (trừ Axetylen và khí đốt hóa lỏng) - Kiểm tra tại thời điểm nạp khí.

b) Đóng gói axetylen hoà tan tuân thủ theo TCVN 6871:2007, TCVN 5331-91, TCVN 7052-1:2002 và TCVN 7052-2:2002.

c) Đối với các loại chai chứa khí, khí hóa lỏng, khí hòa tan loại khác, việc đóng gói, chế tạo, thử nghiệm và kiểm định tuân theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành.

7. Yêu cầu đóng gói loại P201

Yêu cầu này áp dụng đối với UN 3167, 3168 and 3169.

Các đóng gói sau đây được chấp nhận:

a) Bao gói bên ngoài

- Các chai và các bình chứa khí tuân thủ với yêu cầu chế tạo, thử nghiệm và nạp.

Handwritten signature

- Các bao gói hỗn hợp sau đây với điều kiện đáp ứng các quy định phần yêu cầu chung:

+ Thùng tròn.

+ Hộp.

+ Can.

b) Bao gói bên trong

- Đối với khí không độc, bao gói bên trong bằng thủy tinh hoặc kim loại được hàn kín có dung tích tối đa là 5 lít/bao gói.

- Đối với khí độc, các bao gói bên trong bằng thủy tinh hoặc kim loại được hàn kín có dung tích tối đa là 1 lít /bao gói.

Bao gói phải phù hợp với mức nhóm đóng gói III.

8. Yêu cầu đóng gói loại P203

Đóng gói cho các loại bình chứa lạnh cryo kín, bình chứa lạnh cryo hở. Áp dụng cho khí hóa lỏng được làm lạnh loại 2.

a) Yêu cầu đối với bình chứa lạnh cryo kín

- Các bình chứa lạnh kín phải được cách nhiệt để chúng không bị đóng băng.

- Áp suất thử

Các chất lỏng được làm lạnh phải được chứa đầy trong các bình chứa lạnh cryo kín với áp suất thử nghiệm tối thiểu sau đây:

+ Đối với bình chứa lạnh cryo kín có cách nhiệt chân không, áp suất thử không được nhỏ hơn 1,3 lần tổng áp suất bên trong tối đa của bình, kể cả trong quá trình nạp và xả, cộng với 100 kPa (1 bar).

+ Đối với các bình chứa lạnh cryo kín khác, áp suất thử không được nhỏ hơn 1,3 lần áp suất bên trong tối đa của bình chứa, có tính đến áp suất trong quá trình nạp và xả.

- Mức nạp

Đối với khí hóa lỏng lạnh không cháy, không độc (mã phân loại 3A và 3O), thể tích của pha lỏng ở nhiệt độ nạp và ở áp suất 100 kPa (1 bar) không được vượt quá 98% dung tích chứa nước của bình chứa.

Đối với khí hóa lỏng lạnh dễ cháy (mã phân loại 3F), mức nạp phải duy trì dưới mức môi chất được nâng lên đến nhiệt độ tại đó áp suất hơi bằng với áp suất mở của van an toàn, thể tích của pha lỏng sẽ đạt 98% thể tích chứa nước ở nhiệt độ đó.

- Thiết bị giảm áp

Các bình chứa lạnh cryo kín phải được lắp ít nhất một thiết bị giảm áp.

- Vật liệu được sử dụng để đảm bảo độ kín rò các mối nối hoặc bảo quản vỏ phải phù hợp với môi chất bên trong. Trong trường hợp các bình chứa được thiết kế để vận chuyển các khí oxy hóa (mã phân loại 3O), các vật liệu này không được phản ứng nguy hiểm với các khí.

b) Yêu cầu đối với bình chứa lạnh cryo mở

Chỉ các khí hóa lỏng làm lạnh không bị oxy hóa sau đây thuộc mã phân loại 3A mới được chứa trong các bình chứa lạnh mở: UN 1913, 1951, 1963, 1970, 1977, 2591, 3136 và 3158.

Các bình chứa lạnh cryo mở phải được chế tạo để đáp ứng các yêu cầu sau:

- Các bình chứa phải được thiết kế, sản xuất, thử nghiệm và trang bị để có thể chịu mọi điều kiện, kể cả môi, mà chúng sẽ phải chịu trong quá trình sử dụng bình thường và trong điều kiện vận chuyển bình thường.

- Dung tích không được quá 450 lít.

- Bình chứa phải có kết cấu vách kép với không gian giữa vách trong và ngoài được hút chân không (cách nhiệt chân không). Lớp cách nhiệt phải ngăn chặn sự hình thành đọng sương ở mặt ngoài của bình chứa.

- Vật liệu chế tạo phải có cơ tính phù hợp ở nhiệt độ làm việc.

- Các vật liệu tiếp xúc trực tiếp với hàng hóa nguy hiểm sẽ không bị ảnh hưởng hoặc yếu đi bởi hàng hóa nguy hiểm dự định vận chuyển và không gây ra ảnh hưởng nguy hiểm, ví dụ: phản ứng xúc tác hoặc phản ứng với hàng hóa nguy hiểm.

- Bình chứa bằng thủy tinh có thành kép phải có bao gói bên ngoài bằng vật liệu đệm hoặc vật liệu thấm hút thích hợp, chịu được áp suất và các tác động có thể xảy ra trong điều kiện vận chuyển bình thường.

- Bình chứa phải được thiết kế để giữ ở vị trí thẳng đứng trong quá trình vận chuyển.

- Các lỗ mở của bình chứa phải được trang bị các thiết bị thoát khí, ngăn ngừa chất lỏng bắn ra và có kết cấu sao cho giữ nguyên trong quá trình vận chuyển.

9. Yêu cầu đóng gói loại P205

Yêu cầu đóng gói áp dụng cho UN 3468. Đóng gói cho hệ thống tồn trữ hydrua kim loại. Chỉ đề cập đối với các bình chứa áp suất có dung tích chứa nước không quá 150 lít và áp suất tối đa không quá 25 MPa.

10. Yêu cầu đóng gói loại P206

Yêu cầu đóng gói áp dụng cho UN 3500, 3501, 3502, 3503, 3504 và 3505.

Các chai và bình áp lực phải được nạp sao cho pha không phải pha khí không vượt quá 95% dung tích ở 50 °C, không bị đầy hoàn toàn ở 60 °C. Khi nạp, áp suất bên trong ở 65 °C không được vượt quá áp suất thử của chai và bình áp lực. Phải tính đến áp suất hơi và độ giãn nở thể tích của tất cả các chất trong chai và bình áp suất.

Áp suất thử nghiệm tối thiểu phải phù hợp với hướng dẫn đóng gói P200 đối với chất đầy nhưng không được nhỏ hơn 20 bar.

11. Yêu cầu đóng gói loại P207

Yêu cầu đóng gói áp dụng cho UN 1950.

Các đóng gói sau được chấp nhận, với điều kiện đáp ứng các quy định yêu cầu chung:

- Thùng, hộp: Bao gói phải phù hợp với mức tính năng của nhóm bao gói II.

- Bao gói bên ngoài cứng có khối lượng tối đa như sau:

+ Tấm xơ ép (fibreboard) 55 kg

+ Khác tấm xơ ép 125 kg

Bao gói phải được thiết kế và kết cấu để ngăn chặn sự di chuyển quá mức của các sol khí và vô ý xả trong điều kiện vận chuyển bình thường.

12. Yêu cầu đóng gói loại P208

Yêu cầu này áp dụng cho khí bị hấp thụ loại 2.

a) Áp suất của mỗi chai chứa đã nạp phải nhỏ hơn 101,3 kPa ở 20 °C và nhỏ hơn 300 kPa ở 50 °C.

b) Áp suất thử tối thiểu của chai là 21 bar.

c) Áp suất nổ tối thiểu của chai là 94,5 bar.

d) Áp suất bên trong ở 65 °C của chai chứa đã nạp không được vượt quá áp suất thử của chai.

đ) Vật liệu hấp thụ phải tương thích với chai và không được tạo thành các hợp chất có hại hoặc nguy hiểm với khí được hấp thụ. Khí kết hợp với vật liệu hấp thụ không được ảnh hưởng hoặc làm yếu chai hoặc gây ra phản ứng nguy hiểm (ví dụ phản ứng xúc tác).

e) Các quy định đóng gói đặc biệt dành riêng chất (trong bảng).

a: Không được sử dụng các chai chứa khí bằng hợp kim nhôm.

d: Khi sử dụng các chai thép, chỉ cho phép những chai mang dấu "H" phù hợp được phép sử dụng.

r: Việc nạp khí này phải được giới hạn sao cho nếu xảy ra sự phân hủy hoàn toàn thì áp suất không vượt quá 2/3 áp suất thử của chai.

z: Vật liệu chế tạo của chai và các phụ kiện của chúng phải phù hợp với môi chất và không được phản ứng để tạo thành các hợp chất có hại hoặc nguy hiểm với chúng.

Số UN	Tên và mô tả	Mã phân loại	LC ₅₀ ml/m ³	Các điều khoản đóng gói đặc biệt
3510	Khí hút bám, dễ cháy, N.O.S.	9F		z
3511	KHÍ HÚT BĂM, N.O.S.	9A		z
3512	KHÍ HÚT BĂM, ĐỘC, N.O.S.	9T	≤ 5000	z
3513	KHÍ HÚT BĂM, ÔXY HÓA, N.O.S.	9O		z
3514	KHÍ HÚT BĂM, ĐỘC, DỄ CHÁY, N.O.S.	9TF	≤ 5000	z
3515	KHÍ HÚT BĂM, ĐỘC, ÔXY HÓA, N.O.S.	9TO	≤ 5000	z
3516	KHÍ HÚT BĂM, ĐỘC, ĂN MÒN, N.O.S.	9TC	≤ 5000	z
3517	KHÍ HÚT BĂM, ĐỘC, DỄ CHÁY, ĂN MÒN, N.O.S.	9TFC	≤ 5000	z
3518	KHÍ HÚT BĂM, ĐỘC, ÔXY HÓA, ĂN MÒN, N.O.S.	9TOC	≤ 5000	z
3519	BO TRIFLORUA, BỊ HẤP THỤ	9TC	387	a
3520	CLO, BỊ HẤP THỤ	9TOC	293	a
3521	SILICON TETRAFLORIT, BỊ HẤP THỤ	9TC	450	a
3522	ARSIN, BỊ HẤP THỤ	9TF	20	d
3523	GERMANE, BỊ HẤP THỤ	9TF	620	d, r
3524	PHOTPHO PENTAFLORIT, BỊ HẤP THỤ	9TC	190	
3525	PHOTPHIN, BỊ HẤP THỤ	9TF	20	d
3526	HYDRO SELENUA, BỊ HẤP THỤ	9TF	2	

13. Yêu cầu đóng gói loại P300

Quy định này áp dụng cho UN 3064. Đóng gói đối với các bao gói hỗn hợp gồm các hộp kim loại bên trong có dung tích không quá 1 lít và các hộp gỗ bên ngoài chứa không quá 5 lít dung dịch.

Các yêu cầu bổ sung:

TNH oa

- a) Hộp kim loại phải được bao bọc hoàn toàn bằng vật liệu đệm hấp thụ.
- b) Hộp gỗ phải được lót toàn bộ bằng vật liệu thích hợp không thấm nước và nitroglycerin.

14. Yêu cầu đóng gói loại P302

Yêu cầu này áp dụng cho UN 3269.

Bao gói hỗn hợp sau được cho phép, với điều kiện là đáp ứng các quy định chung:

- Bao gói bên ngoài:

+ Thùng tròn.

+ Hộp.

+ Bình.

- Bao gói bên trong:

+ Chất hoạt hóa (peroxit hữu cơ) phải có số lượng tối đa là 125 ml cho mỗi bao gói bên trong nếu là chất lỏng và 500 g cho mỗi bao gói bên trong nếu là chất rắn.

+ Vật liệu cơ bản và chất kích hoạt phải được đóng gói riêng biệt trong các bao gói bên trong.

Nhiều thành phần có thể được đặt trong cùng một bao gói bên ngoài với điều kiện là chúng sẽ không tương tác nguy hiểm trong trường hợp rò rỉ.

Bao gói phải phù hợp với cấp độ tính năng của nhóm đóng gói II hoặc III theo tiêu chí cho loại 3 áp dụng cho vật liệu cơ bản.

15. Yêu cầu đóng gói loại P600

Yêu cầu này áp dụng cho UN 1700.

Các đóng gói sau đây được cho phép:

Bao gói bên ngoài đáp ứng mức hoạt động của nhóm đóng gói II. Các mặt hàng phải được đóng gói riêng lẻ và ngăn cách với nhau bằng cách sử dụng vách ngăn, bộ phận chia tách, bao gói bên trong hoặc vật liệu đệm để ngăn ngừa vô ý xả trong điều kiện vận chuyển bình thường.

Khối lượng tối đa: 75 kg.

16. Yêu cầu đóng gói loại P601

Bao gói phải được làm kín, và đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Bao gói hỗn hợp có khối lượng tối đa là 15kg, gồm:

- Một hoặc nhiều bao gói trong bình thủy tinh có sức chứa tối đa là 1 lít và chứa tối đa 90% thể tích.

- Chai chứa kim loại có đệm và chất hấp thụ để hấp thụ toàn bộ các chất chứa tại bao gói trong.

- Bao gói ngoài là thùng tròn bằng thép; nhôm; kim loại khác thép, nhôm; nhựa; gỗ dán; xơ ép hoặc hộp thép, nhôm, gỗ tự nhiên, gỗ dán, gỗ tái chế, nhựa cứng.

b) Bao gói hỗn hợp gồm bao gói bên trong bằng kim loại (cho UN 1744), polyvinylidene fluoride (PVDF), chứa không lớn hơn 5 lít có chứa chất hấp thụ đủ hấp thụ chất chứa bên trong bao gói ngoài khối lượng tối đa 75kg là thùng tròn bằng thép; nhôm; kim loại khác thép, nhôm; gỗ dán; xơ ép hoặc hộp thép; nhôm; gỗ tự nhiên; gỗ dán; gỗ tái chế; tấm xơ ép; nhựa cứng. Bao gói trong không được phép điền đầy hơn 90% thể tích. Các nút, nắp đậy phải bảo đảm không bị rơi lỏng, bung do rung lắc trong quá trình vận chuyển.

c) Bao gói gồm:

- Bao gói ngoài: Thùng tròn bằng thép, nhựa nắp rời.

- Bao gói trong: Thùng tròn và bao gói hỗn hợp phải đảm bảo các yêu cầu sau:

+ Thử áp lực thủy tĩnh với áp suất tối thiểu là 0,3 MPa.

+ Thử độ rò rỉ với áp suất 30 kPa.

+ Khả năng chứa không lớn hơn 125 lít; làm chặt bằng nắp kiểu ren. Nắp đậy có thiết kế để đảm bảo: Chắc chắn, không bị lỏng, rời do rung lắc trong quá trình vận chuyển; có khoá niêm phong.

d) Chai áp lực được kiểm định ban đầu và kiểm tra định kỳ theo quy định tại áp suất không nhỏ hơn 1 MPa. Chai áp lực có thể không lắp thiết bị giảm áp khi chứa chất độc có LC50 không lớn hơn 200 ml/m³ (ppm) được làm chặt bằng nút hoặc van.

17. Yêu cầu đóng gói loại P602

Bao gói được làm kín theo yêu cầu sau:

a) Bao gói hỗn hợp có khối lượng tối đa 15 kg, gồm:

- Một hoặc nhiều bao gói trong bằng thủy tinh với khả năng chứa tối đa là 1 lít và không nạp hơn 90% thể tích. Các nút, nắp đậy phải bảo đảm không bị rơi lỏng, bung do rung lắc trong quá trình vận chuyển.

- Chai chứa kim loại có đệm và chất hấp thụ để hấp thụ toàn bộ các chất chứa tại bao gói trong.

- Bao gói ngoài là thùng tròn bằng thép; nhôm; kim loại khác thép, nhôm; nhựa; gỗ dán; xơ ép hoặc hộp thép, nhôm, gỗ tự nhiên, gỗ dán, gỗ tái chế, nhựa cứng.

b) Bao gói hỗn hợp với lớp đệm trợ được đóng gói trong các kiện dạng thùng, dạng hộp với vật liệu là sắt, nhôm, kim loại khác, nhựa, gỗ dán, gỗ tự

nhiên, gỗ tái chế và gỗ ép. Khối lượng tối đa của kiện hàng không quá 75 kg. Mỗi bình chứa bên trong kiện có thể tích không quá 5 lít. Khi đóng gói hoá chất nguy hiểm chiếm không quá 90% thể tích. Các nút, nắp đậy phải bảo đảm không bị rơi lỏng, bung do rung lắc trong quá trình vận chuyển.

c) Thùng tròn bằng thép, nhôm, kim loại phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Thử áp lực thủy tĩnh với áp suất tối thiểu là 0,3 MPa.
- Thử độ rò rỉ với áp suất 30 kPa.
- Nắp đậy có thiết kế để đảm bảo: chắc chắn, không bị lỏng, rời do rung lắc trong quá trình vận chuyển. Có khoá niêm phong.

d) Chai áp lực được kiểm định ban đầu và kiểm tra định kỳ theo quy định tại áp suất không nhỏ hơn 1 MPa. Chai áp lực có thể không lắp thiết bị giảm áp khi chứa chất độc có LC50 không lớn hơn 200 ml/m³ (ppm) được làm chặt bằng nút hoặc van.

18. Yêu cầu đóng gói loại P603

Yêu cầu này áp dụng cho UN 3507. Đóng gói đối với các bình chứa chính bằng kim loại hoặc nhựa, các bao gói thứ hai chống rò rỉ, bao gói cứng bên ngoài.

Các bao gói gồm:

- a) Các bình chứa chính bằng kim loại hoặc nhựa.
- b) Các bao gói thứ hai cứng chống rò rỉ.
- c) Bao gói cứng bên ngoài:
 - Thùng tròn.
 - Hộp.
 - Can.

19. Yêu cầu đóng gói loại R001

Can, thùng, hộp kim loại	Sức chứa tối đa/Trọng lượng tối đa		
	Nhóm rất nguy hiểm (I)	Nhóm nguy hiểm (II)	Nhóm nguy hiểm thấp (III)
Bằng thép, nắp đầu không tháo rời	Không được phép	40 lít / 50 kg	40 lít / 50 kg
Bằng thép, nắp đầu tháo rời	Không được phép	40 lít / 50 kg	40 lít / 50 kg

Ghi chú:

- Áp dụng cho chất rắn và lỏng.
- Đối với chất loại 3, nhóm đóng gói II, có thể sử dụng nhóm đóng gói này với các chất có áp suất hơi không lớn hơn 110 kPa tại 50 °C và có độc tính nhẹ.

20. Yêu cầu đóng gói loại IBC01

a) Chỉ áp dụng cho chất lỏng có áp suất hơi nhỏ hơn hoặc bằng 110 kPa tại 50°C hoặc 130 kPa tại 55°C.

b) Sử dụng thùng chứa hàng rời cỡ trung bình để chứa chất lỏng có nhiệt độ chớp cháy cốc kín không lớn hơn 60°C hoặc bột có khả năng nổ bụi cần có biện pháp chống tĩnh điện. Thùng chứa hàng rời cỡ trung bình bằng thép, nhôm, kim loại khác cần được kiểm định định kỳ theo quy định.

Không được sử dụng thùng chứa hàng rời cỡ trung bình trong thời gian 03 tháng đến lần kiểm định tiếp theo.

21. Yêu cầu đóng gói loại IBC02

Đóng gói cho các loại bao bì, thùng chứa hàng rời cỡ trung bình, dung tích chứa lớn hơn 450 lít và chỉ áp dụng cho chất lỏng có áp suất hơi nhỏ hơn hoặc bằng 110 kPa tại 50°C hoặc 130 kPa tại 55°C.

22. Yêu cầu đóng gói loại IBC03

Đóng gói cho các loại bao bì, thùng chứa hàng rời cỡ trung bình bằng kim loại, nhựa, bao gói hỗn hợp chứa chất lỏng có áp suất hơi nhỏ hơn hoặc bằng 110 kPa tại 50°C hoặc 130 kPa tại 55°C.

23. Yêu cầu đóng gói IBC05

Đóng gói cho các loại bao bì, thùng chứa hàng rời cỡ trung bình bằng kim loại, nhựa cứng và hỗn hợp.

24. Yêu cầu đóng gói loại IBC06

Đóng gói cho các loại bao bì, thùng chứa hàng rời cỡ trung bình bằng kim loại, nhựa, bao gói hỗn hợp.

25. Yêu cầu đóng gói loại IBC07

Đóng gói cho các loại bao bì, thùng chứa hàng rời cỡ trung bình bằng kim loại, nhựa, bao gói hỗn hợp, gỗ.

26. Yêu cầu đóng gói loại IBC08

Đóng gói cho các loại bao bì, thùng chứa hàng rời cỡ trung bình bằng kim loại, nhựa, tấm xơ ép, bao gói hỗn hợp, gỗ.

27. Yêu cầu đóng gói loại LP01

Bao gói trong	Bao gói ngoài lớn	Nhóm rất nguy hiểm, nguy hiểm (I, II)	Nhóm nguy hiểm thấp (III)
Thủy tinh 10 lít Nhựa 30 lít Kim loại 40 lít	Thép Nhôm Kim loại khác thép, nhôm	Không được phép	Chứa tối đa: 3 m ³

	Nhựa cứng Gỗ tự nhiên Gỗ dán Gỗ tái chế Tấm xơ ép		
--	---	--	--

28. Yêu cầu đóng gói loại LP02

Bao gói trong	Bao gói ngoài lớn	Nhóm rất nguy hiểm, nguy hiểm (I, II)	Nhóm nguy hiểm thấp (III)
Thủy tinh 10kg Nhựa ^b 50kg Kim loại 50 kg Giấy ^{a, b} 50 kg Xơ ép ^{a, b} 50 kg	Thép Nhôm Kim loại khác thép, nhôm Nhựa cứng Gỗ tự nhiên Gỗ dán Gỗ tái chế Tấm xơ ép Nhựa dẻo ^c	Không được phép	Chứa tối đa: 3 m ³
<p>^a Không áp dụng khi chứa các chất có thể thành chất lỏng trong quá trình vận chuyển.</p> <p>^b Bao gói trong có tấm chống lọt bột</p> <p>^c Chỉ sử dụng với bao gói trong mềm.</p>			

29. Yêu cầu đóng gói LP200

Yêu cầu áp dụng đối với UN 1950. Đóng gói đối với bao gói lớn cứng phù hợp với cấp hiệu suất của nhóm đóng gói II, được làm bằng: thép, nhôm, kim loại không phải thép hoặc nhôm, chất dẻo cứng, gỗ tự nhiên, gỗ dán, gỗ tái chế, tấm xơ ép cứng.

III. YÊU CẦU VỀ CẤU TẠO BAO BÌ, THÙNG CHỨA

1. Bao bì, thùng chứa có khả năng chứa tối đa là 400 kg hoặc 450 lít

a) Thùng tròn bằng thép, nhôm hoặc kim loại khác

- Thân, đầu được làm bằng thép tấm, nhôm hoặc kim loại khác có chiều dày phù hợp với các chất dự kiến chứa.

- Đối với thùng chứa lớn hơn 40 lít chất lỏng, đường nối thân được hàn; đối với thùng chứa nhỏ hơn hoặc bằng 40 lít chất lỏng, đường nối thân có thể làm bằng cơ học hoặc hàn.

- Thân thùng chứa lớn hơn 60 lít chất lỏng phải có tối thiểu 02 đai an toàn.

- Miệng nạp, rót chất lỏng hoặc lỗ thông hơi được lắp đặt trên thân hoặc đầu thùng có đường kính không lớn hơn 7cm.

- Khả năng chứa tối đa là 400 kg hoặc 450 lít.

b) Can thép hoặc nhôm

- Thân, đầu được làm bằng thép tấm, nhôm hoặc kim loại khác có chiều dày phù hợp với các chất dự kiến chứa.

- Đối với can chứa lớn hơn 40 lít chất lỏng, đường nối thân được hàn; đối với can chứa nhỏ hơn hoặc bằng 40 lít chất lỏng, đường nối thân có thể làm bằng cơ học hoặc hàn.

- Miệng nạp, rót chất lỏng hoặc lỗ thông hơi được lắp đặt trên thân hoặc đầu thùng có đường kính không lớn hơn 7cm.

- Khả năng chứa tối đa là 120 kg hoặc 60 lít.

c) Thùng tròn bằng gỗ dán

- Thân được làm bằng gỗ dán tối thiểu 02 lớp, đầu được làm bằng gỗ dán tối thiểu 03 lớp, các lớp được liên kết với nhau bằng keo có thể chịu được thấm nước.

- Trong trường hợp yêu cầu chống lọt bột, nắp được làm bằng giấy loại dày.

- Khả năng chứa tối đa là 400 kg hoặc 250 lít.

d) Thùng tròn và can bằng nhựa

- Vật liệu chế tạo thùng, can phù hợp với chất chứa bên trong đảm bảo không ảnh hưởng tới chất lượng của thùng, can.

- Miệng nạp, rót chất lỏng hoặc lỗ thông hơi được lắp đặt trên thân hoặc đầu thùng có đường kính không lớn hơn 7cm.

- Khả năng thấm tối đa chấp nhận được đối với chất lỏng dễ cháy là 0,008 g/l.h ở nhiệt độ 23 °C.

- Khả năng chứa tối đa: đối với thùng tròn là 400 kg hoặc 450 lít; đối với can là 120 kg hoặc 60 lít.

đ) Hộp gỗ tự nhiên

- Hộp được đóng chặt đảm bảo chống rung khi vận chuyển trong điều kiện vận chuyển bình thường.

- Khả năng chứa tối đa: đối với thùng tròn là 400 kg.

e) Hộp gỗ dán

- Gỗ dán được sử dụng tối thiểu 3 lớp được gắn với nhau bằng keo dán chịu nước.

- Khả năng chứa tối đa: Đối với thùng tròn là 400 kg.

g) Hộp gỗ tái chế

- Thành hộp làm bằng gỗ tái chế chịu nước.

- Khả năng chứa tối đa: Đối với thùng tròn là 400 kg.

h) Hộp tấm xơ ép, kim loại

Khả năng chứa tối đa: Đối với thùng tròn là 400 kg.

2. Bao bì, thùng chứa hàng rời cỡ trung bình

a) Thùng chứa hàng rời cỡ trung bình bằng kim loại phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Độ giãn dài của thép (%) không nhỏ hơn $10.000/R_m$ với mức tối thiểu là 20%, trong đó R_m là giới hạn kéo nhỏ nhất của thép (N/mm^2).

- Độ giãn dài của nhôm hoặc hợp kim của nhôm (%) không nhỏ hơn $10.000/6R_m$ với mức tối thiểu là 8%.

- Chiều dày thành tối thiểu của thùng chứa bằng thép không nhỏ hơn yêu cầu trong bảng sau:

Thể tích (C), lít	Chiều dày thành, mm	
	Thùng chứa không được bảo vệ	Thùng chứa được bảo vệ
$C \leq 1000$	2,5	2,0
$1000 < C \leq 2000$	$T = C/2000 + 2,0$	$T = C/2000 + 1,5$
$2000 < C \leq 3000$	$T = C/1000 + 1,0$	$T = C/2000 + 1,5$

- Chiều dày thành tối thiểu của thùng chứa bằng kim loại khác thép được tính theo công thức sau, tuy nhiên không nhỏ hơn 1,5 mm

$$e_1 = \frac{21,4 \times e_0}{\sqrt[3]{R_{m1} \times A_1}}$$

Trong đó:

e_1 : Chiều dày tối thiểu của thành thùng chứa, mm.

e_0 : Chiều dày tối thiểu tính cho thùng chứa bằng thép, mm.

R_{m1} : Giới hạn kéo nhỏ nhất, in N/mm^2 .

A_1 : Độ giãn dài tối thiểu.

- Thùng chứa được lắp thiết bị giảm áp đảm bảo áp suất hơi trên bề mặt chất lỏng trong thùng chứa không lớn hơn 65 kPa và không nhỏ hơn -100 kPa tại nhiệt độ 55°C.

b) Thùng chứa hàng rời cỡ trung bình bằng nhựa

Vật liệu chế tạo thùng phù hợp với chất chứa bên trong đảm bảo không ảnh hưởng tới chất lượng của thùng chứa và không có khả năng thấm các chất nguy hiểm khi vận chuyển trong điều kiện bình thường.

3. Bao bì, thùng chứa cỡ lớn

a) Bằng kim loại: Sử dụng liên kết hàn để chế tạo bao bì, thùng chứa cỡ lớn. Mọi hàn đảm bảo vững chắc và an toàn.

b) Bằng nhựa: Vật liệu chế tạo thùng phù hợp với chất chứa bên trong đảm bảo không ảnh hưởng tới chất lượng của thùng chứa và không có khả năng thấm các chất nguy hiểm khi vận chuyển trong điều kiện bình thường.

c) Bằng gỗ: Được chế tạo bằng gỗ tự nhiên, gỗ dán (tối thiểu 3 lớp), gỗ tái chế đảm bảo vững chắc, an toàn khi chứa hàng hóa nguy hiểm.

4. Bao bì, thùng chứa hàng hóa loại 2

Bao bì thùng chứa hàng hóa loại 2 được thực hiện theo quy định tại các tiêu chuẩn, quy chuẩn sau đây:

- TCVN 8366:2010 - Bình chịu áp lực - Yêu cầu về thiết kế và chế tạo.
- TCVN 6289:2008 (ISO 10286:2007) - Chai chứa khí - Thuật ngữ.
- TCVN 6290:1997 (ISO 10463:1993) - Chai chứa khí - Chai chứa các khí vĩnh cửu - Kiểm tra tại thời điểm nạp khí.
- TCVN 6292:2013 (ISO 4706:2008) - Chai chứa khí - Chai chứa khí bằng thép hàn nạp lại được - Áp suất thử 6 MPa và thấp hơn.
- TCVN 6293:1997 - Chai chứa khí. Chai chứa khí dùng trong y tế. Ghi nhãn để nhận biết khí chứa.
- TCVN 6294:2007 - Chai chứa khí. Chai chứa khí bằng thép cacbon hàn. Kiểm tra và thử định kỳ.
- TCVN 6295:1997 - Chai chứa khí. Chai chứa khí không hàn. Tiêu chuẩn an toàn và đặc tính.
- TCVN 6304-1997 - Chai chứa khí đốt hóa lỏng - Yêu cầu an toàn trong bảo quản, xếp dỡ và vận chuyển.
- TCVN 6484:1999 - Khí đốt hoá lỏng (LPG). Xe bồn vận chuyển. Yêu cầu an toàn về thiết kế, chế tạo và sử dụng.
- TCVN 6485:1999 - Khí đốt hoá lỏng (LPG). Nạp khí vào chai có dung tích nước đến 150 lít. Yêu cầu an toàn.

Handwritten signature

- TCVN 6713:2013 (ISO 11625:2007) - Chai chứa khí - An toàn trong thao tác.

- TCVN 6714:2000 - Chai chứa khí hoá lỏng (trừ axetylen và khí đốt hoá lỏng). Kiểm tra tại thời điểm nạp khí.

- TCVN 6872:2013 (ISO 11117:2008) - Chai chứa khí - Mũ bảo vệ van và vành bảo vệ van - Thiết kế, kết cấu và thử nghiệm.

- TCVN 6873:2007 - Chai chứa khí. Giá chai chứa khí nén và khí hoá lỏng (trừ axetylen). Kiểm tra tại thời điểm nạp khí.

- TCVN 6874-1:2013 (ISO 11114-1:2012) - Chai chứa khí - Tính tương thích của vật liệu làm chai chứa và làm van với khí chứa. Phần 1: Vật liệu kim loại.

- TCVN 7051:2002 - Chai chứa khí. Chai chứa khí bằng kim loại không được nạp lại. Đặc tính kỹ thuật và phương pháp thử.

- TCVN 7163:2013 (ISO 10297:2006) - Chai chứa khí di động - Van chai - Đặc tính kỹ thuật và thử kiểu.

- TCVN 7388-1:2013 (ISO 9809-1:2010) - Chai chứa khí - Chai chứa khí bằng thép không hàn có thể nạp lại được - Thiết kế, kết cấu và thử nghiệm. Phần 1: Chai bằng thép tôi và ram có độ bền kéo nhỏ hơn 1100 MPa.

- TCVN 7388-2:2013 (ISO 9809 -2:2010)- Chai chứa khí. Chai chứa khí bằng thép không hàn có thể nạp lại được. Thiết kế, kết cấu và thử nghiệm. Phần 2: Chai bằng thép tôi và ram có độ bền kéo lớn hơn hoặc bằng 1100 MPa.

- TCVN 7388-3:2013 (ISO 9809-3:2010)- Chai chứa khí. Chai chứa khí bằng thép không hàn có thể nạp lại được. Thiết kế, kết cấu và thử nghiệm. Phần 3: Chai bằng thép thường hoá.

- TCVN 8616:2010 - Khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG). Yêu cầu trong sản xuất, tồn chứa và vận chuyển.

- QCVN 04: 2013/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn chai chứa khí dầu mỏ hóa lỏng bằng thép.

- QCVN 02: 2017/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn chai chứa khí dầu mỏ hóa lỏng mini.

5. Bồn bể chuyên dụng lắp trên phương tiện vận chuyển

- Vật liệu chế tạo bồn bể chuyên dụng được làm bằng kim loại và phù hợp với hàng hóa nguy hiểm dự kiến chứa bên trong;

- Trong trường hợp sử dụng thép để chế tạo bồn bể chuyên dụng, cường độ uốn không vượt quá 460 N/mm^2 và cường độ kéo không vượt quá 725 N/mm^2 .

- Chiều dày tối thiểu của vỏ bồn được tính theo công thức sau:

$$e = \frac{P_{TD}}{2 \delta \lambda} \quad \text{hoặc} \quad e = \frac{P_{CD}}{2 \delta}$$

Trong đó:

- e: Chiều dày vỏ bồn (mm)
 P_T : Áp lực thử (Mpa)
 P_T : Áp lực tính toán (Mpa)
D: Đường kính vỏ bồn (mm)
 δ : Ứng suất của vật liệu chế tạo (N/mm²)
 λ : Hệ số hàn

Hệ số $\lambda = 0,8$ trong trường hợp tất cả các mối hàn chữ “T” với tổng chiều dài mối hàn kiểm tra không nhỏ hơn 10% tổng chiều dài mối hàn; $\lambda = 0,9$ trong trường hợp kiểm tra không nhỏ hơn 25% tổng chiều dài mối hàn, $\lambda = 1$ trong trường hợp tất cả các mối hàn được kiểm tra.

Chiều dày bồn bề chuyên dụng không nhỏ hơn quy định trong bảng sau:

	Đường kính bao bì, thùng chứa	$\leq 1,80$ m	$> 1,80$ m
Chiều dày tối thiểu (mm)	Thép không gỉ	2,5	3
	Thép khác	3	4
	Hợp chất của nhôm	4	5
	Nhôm có hàm lượng lớn hơn 99,8%	6	8

6. Phương tiện thủy nội địa chuyên dụng

Phương tiện thủy nội địa vận chuyển hàng hóa nguy hiểm được thực hiện theo quy định của các tiêu chuẩn, quy chuẩn sau:

- QCVN 21:2015/BGTVT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển vỏ thép.

- Sửa đổi 1:2016 QCVN 21:2015/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển vỏ thép.

- QCVN 01:2008/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Phân cấp và đóng phương tiện thủy nội địa vỏ thép chở xô hoá chất nguy hiểm.

- Sửa đổi lần 1: 2016 QCVN 01:2008/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Phân cấp và đóng phương tiện thủy nội địa vỏ thép chở xô hoá chất nguy hiểm.

Handwritten signature

Phụ lục IV

NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN ỨNG CỨU KHẨN CẤP

(Kèm theo Thông tư số /2020/TT-BCT ngày tháng năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

I. Thông tin chung

1. Tên tổ chức vận tải:						
2. Địa chỉ của trụ sở chính:						
3. Điện thoại:			Fax:			
Email:			Website:		(nếu có)	
4. Họ và tên người đại diện: ¹						
5. Đặc điểm hàng vận chuyển						
Tên hàng theo danh mục	Số UN	Loại nhóm hàng	Số hiệu nguy hiểm	Mức đóng gói	Khối lượng vận chuyển	Phương tiện chứa
Hàng hóa 1						
Hàng hóa 2 (nếu có)						
Hàng hóa 3 (nếu có)						
.....						
6. Đặc điểm vận chuyển						
6.1. Nơi khởi hành:						
6.2. Nơi đến:						
6.3. Tuyến đường vận chuyển: (Mô tả chung về loại đường vận chuyển, độ dài, các điểm chuyển hướng chính, các điểm dừng đỗ, đặc điểm dân cư ...)						
6.4. Tuyến đường thay thế: (Mô tả chung về loại đường vận chuyển, độ dài, các điểm chuyển hướng chính, các điểm dừng đỗ, đặc điểm dân cư ...)						
6.5. Thời gian vận chuyển: (Ban ngày, ban đêm)						
6.6. Phương tiện vận chuyển: (Mô tả chung về loại, số lượng phương tiện vận chuyển, cự ly vận chuyển tối đa, tốc độ vận chuyển và các trang thiết bị xử lý sự cố kèm theo trên phương tiện vận chuyển)						

II. Các khả năng tai nạn, sự cố và biện pháp khắc phục

II.1. Đặc tính nguy hiểm của hàng vận chuyển

¹ Người đại diện theo pháp luật hoặc theo uỷ quyền

1. Nguy hiểm về cháy
<p>1.1. Tính chất dễ cháy: Xếp loại, tác nhân gây cháy (nhiệt độ cao, tia lửa, tiếp xúc với không khí hoặc nước..)</p> <p>1.2. Các nguy hiểm kèm theo khi cháy: nổ, khói độc</p> <p>1.3. Các chất dập cháy thích hợp</p> <p>1.4. Biện pháp chữa cháy</p> <p>1.5. Phương tiện bảo vệ cá nhân khi tiếp xúc</p> <p>1.6. Khoảng cách cách ly an toàn</p>
2. Nguy hiểm về nổ
<p>2.1. Tính chất nổ: Xếp loại, tác nhân kích thích (nhiệt độ cao, tia lửa, ma sát, va đập..)</p> <p>2.2. Các nguy hiểm kèm theo nổ: mảnh văng, sóng nổ...</p> <p>2.3. Khoảng cách cách ly an toàn</p>
3. Nguy hiểm về độc
<p>3.1. Tính chất độc hại: Xếp loại, ngưỡng tiếp xúc</p> <p>3.2. Các nguy hiểm kèm theo khi rò rỉ, tràn đổ: nổ, khói độc</p> <p>3.3. Các chất dập cháy thích hợp</p> <p>3.4. Khoảng cách cách ly an toàn</p> <p>3.5. Biện pháp thu gom, làm sạch</p> <p>3.6. Phương tiện bảo vệ cá nhân khi tiếp xúc</p>
4. Nguy hiểm về ăn mòn
<p>4.1. Tính chất ăn mòn: Xếp loại (mạnh, vừa, yếu), vật liệu bị phá hủy (kim loại, nhựa, gỗ...)</p> <p>4.2. Các nguy hiểm kèm theo khi tràn đổ, rò rỉ: ăn mòn phát nhiệt gây cháy, khí độc</p> <p>4.3. Các chất trung hòa thích hợp</p> <p>4.4. Biện pháp thu gom, làm sạch</p> <p>4.5. Phương tiện bảo vệ cá nhân khi tiếp xúc</p> <p>4.6. Khoảng cách cách ly an toàn</p>

II.2 Các tình huống điển hình và biện pháp xử lý

TT	Tình huống cơ bản	Hậu quả	Hành động cần thực hiện	Số điện thoại cần liên lạc
1	Cản trở giao thông (do hỏng đường, ùn tắc kéo dài...)	Dừng đỗ lâu tại vị trí không an toàn, có thể tiếp xúc các nguồn nhiệt, va chạm...	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyển tuyến đường vận chuyển - Cách ly, bảo vệ khu vực tiếp xúc - Tham gia bảo vệ hiện 	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan cứu nạn - Chuyên gia kỹ thuật

Handwritten signature

TT	Tình huống cơ bản	Hậu quả	Hành động cần thực hiện	Số điện thoại cần liên lạc
		dẫn đến cháy, rò rỉ	trường và cung cấp thông tin phục vụ công tác điều tra sự cố	
2	Trục trặc hoặc tai nạn phương tiện vận chuyển nhưng không ảnh hưởng đến phương tiện chứa	Dừng đỗ lâu tại vị trí không an toàn, có thể tiếp xúc các nguồn nhiệt, va chạm... dẫn đến cháy, rò rỉ	<ul style="list-style-type: none"> - Khắc phục hoặc thay phương tiện vận chuyển - Thay người điều khiển phương tiện nếu có thương vong do tai nạn - Tham gia bảo vệ hiện trường và cung cấp thông tin phục vụ công tác điều tra sự cố 	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan cứu nạn - Trung tâm cứu hộ giao thông - Chuyên gia kỹ thuật
3	Trục trặc hoặc tai nạn phương tiện vận chuyển có hư hỏng phương tiện chứa	Rò rỉ, tràn đổ thoát ra các chất độc hại hoặc dễ cháy, nổ... gây thiệt hại về người, tài sản xung quanh	<ul style="list-style-type: none"> - Khắc phục hư hỏng nhỏ nếu đã có phương án, công cụ dự kiến cho các trường hợp này (bịt chỗ rò, khóa van...) - Cách ly khu vực nguy hiểm theo chỉ dẫn (bán kính cách ly tùy theo đặc tính hàng vận chuyển) - Gọi trợ giúp - Bảo vệ, ngăn chặn người xâm nhập khu vực cách ly, chờ trợ giúp của lực lượng cứu hộ... Sơ tán người trong khu vực nguy hiểm. - Các biện pháp thu gom, tẩy sạch - Tham gia bảo vệ hiện trường và cung cấp thông tin phục vụ công tác điều tra sự cố 	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan cứu nạn - Trung tâm cứu hộ giao thông - Chuyên gia kỹ thuật. - Trung tâm cấp cứu y tế
4	Cháy phương tiện vận chuyển	Hỏng phương tiện chứa hoặc nổ phương tiện chứa nếu hàng vận chuyển có khả năng tăng áp suất do nhiệt, phát thải khí	<ul style="list-style-type: none"> - Dập cháy bằng phương tiện kèm theo xe nếu đám cháy nhỏ. - Cách ly khu vực nguy hiểm theo chỉ dẫn (bán kính cách ly tùy theo đặc tính hàng vận chuyển) 	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan cứu nạn - Trung tâm cứu hộ giao thông - Chuyên gia kỹ



TT	Tình huống cơ bản	Hậu quả	Hành động cần thực hiện	Số điện thoại cần liên lạc
		độc... gây thiệt hại về người, tài sản.	<ul style="list-style-type: none"> - Gọi trợ giúp - Bảo vệ, ngăn chặn người xâm nhập khu vực cách ly, chờ trợ giúp của lực lượng cứu hộ... Sơ tán người trong khu vực nguy hiểm. - Các biện pháp thu gom, tẩy sạch - Tham gia bảo vệ hiện trường và cung cấp thông tin phục vụ công tác điều tra sự cố 	thuật
5	Các tình huống khác			

Ghi chú: Các tình huống và nội dung trên chỉ có tính minh họa, tổ chức vận tải phải dựa trên đặc điểm hàng hóa và đặc điểm vận chuyển để đánh giá về khả năng xảy ra sự cố, mức độ hậu quả xảy ra để xây dựng các tình huống điển hình và hành động khắc phục phù hợp.

III. Khả năng ứng cứu và tổ chức ứng cứu

III.1 Khả năng ứng cứu sự cố khẩn cấp

1. Khả năng ứng cứu ban đầu tại hiện trường

1.1. Người đủ điều kiện ứng cứu: (người điều khiển phương tiện, áp tải đã được huấn luyện phương pháp ứng cứu, xử lý...)

1.2. Trang thiết bị phục vụ ứng cứu: (thông tin, chữa cháy, dập lửa, bảo hộ cá nhân, dụng cụ sơ cứu, biển báo sự cố, thu gom...)

1.3. Phạm vi, mức độ ứng cứu: Liệt kê các tình huống nằm trong khả năng ứng cứu của người điều khiển phương tiện, mức độ phát triển của tình huống cần gọi trợ giúp.

2. Khả năng ứng cứu của người vận tải hoặc người gửi hàng

2.1. Số chuyên gia kỹ thuật hướng dẫn từ xa cho người xử lý tại hiện trường; số chuyên gia kỹ thuật xử lý hiện trường (nếu có)

2.2. Thiết bị, phương tiện huy động phục vụ ứng cứu: (của người vận tải hoặc của các tổ chức dịch vụ khác ở các địa phương nơi hàng vận chuyển đi qua - nếu có)

2.3. Mức độ đáp ứng: Dự kiến thời gian tiếp cận hiện trường (theo cự ly xa nhất), các tình huống trong khả năng ứng cứu

3. Khả năng ứng cứu của lực lượng cứu nạn, cứu hộ

3.1. Đội xử lý sự cố: Số người, chuyên môn...

3.2. Thiết bị, phương tiện huy động phục vụ ứng cứu.

Handwritten signature

3.3. Mức độ đáp ứng: Dự kiến thời gian tiếp cận hiện trường (theo cự ly xa nhất), các tình huống trong khả năng ứng cứu.

III.2. Tổ chức ứng cứu

1. Tổ chức thực hiện

Bộ phận điều hành, phối hợp tại trụ sở để nhận thông báo, chuyên tiếp, hướng dẫn và điều hành các hoạt động xử lý tại hiện trường. Phải có quy định trách nhiệm rõ ràng các thành viên trong bộ phận điều hành.

2. Các quy trình hoạt động

2.1. Quy trình thông tin khẩn cấp

Gồm thủ tục thông báo khẩn cấp, người nhận thông báo, thứ tự ưu tiên trong trường hợp thông báo nhiều nơi, chuyên tiếp và cơ chế đảm bảo thông tin đã xác nhận.

2.2. Quy trình xử lý sự cố

- Của người phát hiện, xử lý ban đầu
- Của bộ phận điều hành
- Chuyên tiếp cho lực lượng cứu nạn, cứu hộ

III.3. Các số điện thoại liên lạc khẩn cấp (gồm cả số cố định và di động)

1. Số điện thoại của cơ quan chịu trách nhiệm cứu nạn, cứu hộ: (Trường hợp vận chuyển qua nhiều tỉnh, phải liệt kê đầy đủ số điện thoại của cơ quan này ở các tỉnh).
2. Số điện thoại của các Trung tâm cứu hộ giao thông: (Trường hợp vận chuyển qua nhiều tỉnh, phải liệt kê đầy đủ số điện thoại của trung tâm này ở các tỉnh).
3. Số điện thoại của các chuyên gia kỹ thuật hướng dẫn xử lý sự cố do người vận tải hoặc người gửi hàng chỉ định.
4. Số điện thoại của trung tâm cấp cứu y tế hoặc các dịch vụ khác (chuyên hàng, vận chuyển...).
5. Số điện thoại của người vận tải hoặc người gửi hàng.
6. Số điện thoại của Sở Công Thương các tỉnh có hàng vận chuyển đi qua.

III.4. Kế hoạch diễn tập

1. Kỳ hạn thực hiện diễn tập: (quý hoặc năm)
2. Các nội dung diễn tập, đánh giá:
3. Hình thức diễn tập: (thảo luận, thực nghiệm hiện trường, phối hợp...).

Ngày biên soạn:

Ngày sửa đổi:

Người đại diện Tổ chức vận tải
(Đóng dấu, ký tên)



Phụ lục V

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN HOÀN THÀNH CHƯƠNG TRÌNH TẬP HUẤN VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA NGUY HIỂM

(Kèm theo Thông tư số /2020/TT-BCT ngày tháng năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Mặt ngoài: Kích thước: 190 mm x 130 mm

	<p>(1).....</p> <p>GIẤY CHỨNG NHẬN HOÀN THÀNH CHƯƠNG TRÌNH TẬP HUẤN VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA NGUY HIỂM</p>
--	--

(1) Tên đơn vị tổ chức tập huấn (cơ sở vận tải/ cơ sở thuê vận tải hoặc tổ chức huấn luyện)

Mặt trong: Kích thước: 190 mm x 130 mm

<p style="text-align: center;">CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập- Tự do - Hạnh phúc -----o0o-----</p> <p style="text-align: center;">GIẤY CHỨNG NHẬN HOÀN THÀNH CHƯƠNG TRÌNH TẬP HUẤN VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA NGUY HIỂM</p> <div style="border: 1px solid black; width: 100px; height: 100px; margin: 10px auto; text-align: center; line-height: 100px;">Ảnh 3x4</div> <p>Họ và tên:</p> <p>.....</p> <p>Nam/Nữ:.....</p> <p>Ngày sinh:</p> <p>CMND/CCCD/ hộ chiếu số:</p> <p>.....</p> <p>Nghề nghiệp:</p> <p>Đơn vị công tác:</p> <p>.....</p> <p style="text-align: center;">Số:.....</p> <p><i>Giấy chứng nhận này có giá trị 02 năm</i> <i>Từ ngày...tháng...năm... đến ngày...tháng ...</i> <i>năm...</i></p>	<p>Đã hoàn thành lớp tập huấn vận chuyển hàng hóa nguy hiểm:.....(1) cho.....(2) do (3).....tổ chức từ ngày:.....đến ngày:..... và kiểm tra đạt yêu cầu.</p> <p style="text-align: center;">.....ngày....tháng....năm.....</p> <p style="text-align: center;">Đơn vị tập huấn ³ <i>(Ký tên đóng dấu)</i></p>
--	--

(1) Tên hàng hóa nguy hiểm

(2) Đối tượng tập huấn: người tham gia vận chuyển hàng hóa nguy hiểm (người điều khiển phương tiện/ thủ kho, người áp tải, người xếp, dỡ hàng hóa)

(3) Tên đơn vị tập huấn (cơ sở vận chuyển/ cơ sở thuê vận chuyển hoặc tổ chức huấn luyện)

Phụ lục VI
DANH SÁCH TẬP HUẤN VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA NGUY HIỂM
(Kèm theo Thông tư số /2020/TT-BCT ngày tháng năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Tên cơ sở:

Thời gian tổ chức tập huấn: từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...

Người tập huấn: Đơn vị tập huấn:¹ đối với:

Nội dung tập huấn: Tập huấn vận chuyển hàng hóa nguy hiểm:²

TT	Họ và tên	Nam Nữ	Ngày sinh	Chức vụ	Số CMND/Hộ chiếu/ CCCD	Đơn vị công tác	Hình thức			Kết quả	Chữ ký	Ghi chú
							Lần đầu	Định kỳ	Tập huấn lại			

Thủ trưởng đơn vị³
(Ký tên, đóng dấu)

Người tập huấn
(Ký tên)

Người lập danh sách
(Ký tên)

¹ Tên hàng hóa nguy hiểm

² Đối tượng được tập huấn: người điều khiển phương tiện vận chuyển/ thủ kho, người áp tải, người xếp/ dỡ hàng hóa nguy hiểm

³ Thủ trưởng đơn vị tập huấn (Cơ sở vận tải/ cơ sở thuê vận tải hoặc Tổ chức huấn luyện)

Phụ lục VII

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN KẾT QUẢ TẬP HUẤN VẬN
CHUYỂN HÀNG HÓA NGUY HIỂM**

(Kèm theo Thông tư số /2020/TT-BCT ngày tháng năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

.....¹ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số:
....., ngày ... tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận kết quả tập huấn vận chuyển hàng hóa nguy hiểm

.....²

Căn cứ Nghị định số 42/2020/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định Danh mục hàng hoá nguy hiểm, vận chuyển hàng hoá nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số .../2020/TT-BCT ngày ... tháng ... năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa;

Căn cứ kết quả kiểm tra sau tập huấn vận chuyển hàng hóa nguy hiểm của.....¹;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả kiểm tra sau tập huấn vận chuyển hàng hóa nguy hiểm cho các học viên theo danh sách đính kèm.

Điều 2. Thời gian tập huấn từ ngày.....tháng.....năm.....đến ngày..... tháng.....năm

Điều 3.³ và các học viên được công nhận kết quả tập huấn có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:²

- Như Điều 3;
- Lưu VP.

¹ Tên đơn vị tập huấn (Cơ sở vận tải/ cơ sở thuê vận tải hoặc tổ chức huấn luyện)

² Thủ trưởng đơn vị tập huấn (Cơ sở vận tải/ cơ sở thuê vận tải hoặc tổ chức huấn luyện)

³ Thủ trưởng đơn vị có đối tượng được tập huấn

**BỘ CÔNG THƯƠNG
VỤ PHÁP CHẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1979** /PC-XDPL
V/v tổng hợp ý kiến Lãnh đạo
Bộ đối Dự thảo Thông tư

Hà Nội, ngày tháng 11 năm 2020

Kính gửi: Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp

Thực hiện Thông tư số 19/2018/TT-BCT ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng, thẩm định và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương, Vụ Pháp chế đã xin ý kiến của Lãnh đạo Bộ đối với Dự thảo Thông tư quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa. Tính đến ngày 24 tháng 11 năm 2020, Vụ Pháp chế đã nhận được đầy đủ ý kiến của Lãnh đạo Bộ.

Vụ Pháp chế gửi kèm theo các Phiếu lấy ý kiến Lãnh đạo Bộ để Quý Cục tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: PC, XDPL.

**KT. VỤ TRƯỞNG
PHÓ VỤ TRƯỞNG**



Trần Đỗ Quyên

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Dự thảo Thông tư quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa

Kính gửi: Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp

Thực hiện Thông tư số 19/2018/TT-BCT ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương, Vụ Pháp chế đã tổ chức cuộc họp thẩm định do Lãnh đạo Vụ Pháp chế chủ trì với sự tham gia của đại diện: Vụ Khoa học và Công nghệ, Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp, Cục Hóa chất và đại diện các phòng thuộc Vụ Pháp chế.

Sau khi nghe báo cáo viên trình bày những nội dung chính của dự thảo, các đồng chí tham dự cuộc họp đã phát biểu ý kiến và thảo luận về các nội dung sau đây:

I. Một số vấn đề chung

1. Sự cần thiết ban hành văn bản, đối tượng, phạm vi điều chỉnh của văn bản

Vụ Pháp chế nhất trí về sự cần thiết ban hành, việc ban hành thông tư nhằm thực hiện các quy định pháp lý

2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng

Nội dung của dự thảo Thông tư này phù hợp với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng.

3. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo văn bản với hệ thống pháp luật và tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên

Dự thảo Thông tư đảm bảo tính hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo văn bản với hệ thống pháp luật và tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên.

4. Sự tuân thủ các nguyên tắc và yêu cầu của việc quy định thủ tục hành chính nếu trong dự thảo văn bản có quy định thủ tục hành chính; sự cần thiết, tính hợp pháp của việc sửa đổi, bổ sung ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện hoặc điều kiện đầu tư kinh doanh, nếu trong dự thảo văn bản có sửa đổi, bổ sung ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện hoặc điều kiện đầu tư kinh doanh; việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo văn bản, nếu trong dự thảo văn bản có quy định liên quan đến vấn đề bình đẳng giới.

Dự thảo Thông tư không quy định về thủ tục hành chính và ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện hoặc điều kiện đầu tư kinh doanh.

5. Ngôn ngữ, kỹ thuật và trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản

- Dự thảo Thông tư đã thực hiện đã lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan và trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản tuân thủ theo quy định tại Thông tư số 19/2018/TT-BCT ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương.

- Về hình thức và ngôn ngữ soạn thảo dự thảo Thông tư, đề nghị thực hiện theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Ngoài ra, đề nghị rà soát các lỗi chính tả có trong dự thảo.

II. Về một số nội dung cụ thể

1. Đối với dự thảo Tờ trình

Đề nghị bổ sung và làm rõ sự cần thiết ban hành Thông tư này, trong đó làm rõ những vướng mắc trong thực tiễn trong thời gian vừa qua.

Ngoài ra, tại Mục IV Bố cục và nội dung cơ bản, đề nghị rà soát, kết cấu lại bố cục cho phù hợp với tiêu đề mục lớn và không liệt kê từng điều trong bố cục.

2. Về Dự thảo Thông tư

2.1 Tại Điều 2:

Đề nghị rà soát, chỉnh lý lại điều này theo hướng : “ *Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân thực hiện, hoạt động và hoạt động liên quan đến vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện ...* ”.

2.2 Tại Điều 3

- Đề nghị bỏ khoản 1 vì nội dung này đã được quy định trong Nghị định 42/2020/NĐ-CP.

2.3 Tại Chương II

Đề nghị Quý Cục rà soát, bổ sung tên Chương thành: “*Danh mục, yêu cầu về đóng gói, phương tiện chứa đối với hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm*” và kết cấu lại chương này cho phù hợp với nội dung của tên Chương nêu trên.

2.4 Tại Chương III

Đề nghị Quý Cục rà soát, sửa đổi tên Chương thành: “*Quy định về tập huấn*” và kết cấu lại chương này cho phù hợp.

- Tại Điều 9, đề nghị bổ sung khoản 1 quy định về đối tượng áp dụng hình thức tập huấn .

2.5 Tại Chương IV


Đề nghị Quý Cục bỏ nội dung cấp giấy chứng nhận đã hoàn thành chương trình tập huấn cho các đối tượng đối với trách nhiệm của Sở Công Thương do giấy này đã được giao cho tổ chức huấn luyện hoặc người vận tải cấp.

Trên đây là ý kiến thẩm định của Vụ Pháp chế về Thông tư quy định về danh mục hàng hóa nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa, đề nghị Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp nghiên cứu, chỉnh lý dự thảo và gửi Vụ Pháp chế báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định trước khi trình Lãnh đạo Bộ ký ban hành./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: PC, XDPL (Tutm).

**KT. VỤ TRƯỞNG
PHÓ VỤ TRƯỞNG**



Trần Đỗ Quyên

BÁO CÁO

Giải trình ý kiến thẩm định Thông tư quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa của Vụ Pháp chế

Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp (Cục ATMT) đã nhận được Báo cáo thẩm định số 1949/PC-XDPL ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Vụ Pháp chế đối với dự thảo Thông tư quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa (Báo cáo thẩm định số 1949/PC-XDPL). Sau khi xem xét, Cục ATMT có ý kiến giải trình như sau:

1. Ý kiến 1:

Đối với dự thảo Tờ trình đề nghị bổ sung và làm rõ sự cần thiết ban hành Thông tư này, trong đó làm rõ những vướng mắc trong thực tiễn trong thời gian vừa qua. Ngoài ra, tại Mục IV Bố cục và nội dung cơ bản, đề nghị rà soát, kết cấu lại bố cục cho phù hợp với tiêu đề mục lớn và không liệt kê từng điều trong bố cục.

Ý kiến giải trình: Tiếp thu, đã sửa đổi, bổ sung tại Dự thảo Tờ trình.

2. Ý kiến 2:

Đề nghị rà soát, chỉnh lý Điều 2 theo hướng : “ Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân thực hiện, hoạt động và hoạt động liên quan đến vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện ... ”.

Ý kiến giải trình: Tiếp thu, đã bổ sung tại Dự thảo Thông tư.

3. Ý kiến 3: Đề nghị bỏ khoản 1 Điều 3 vì nội dung này đã được quy định trong Nghị định 42/2020/NĐ-CP.

Ý kiến giải trình: Tiếp thu, đã bỏ khoản 1 Điều 3 tại Dự thảo.

4. Ý kiến 4:

Tại Chương II đề nghị rà soát, bổ sung tên Chương thành: “Danh mục, yêu cầu về đóng gói, phương tiện chứa đối với hàng hóa nguy hiểm, vận

chuyển hàng hóa nguy hiểm” và kết cấu lại chương này cho phù hợp với nội dung của tên Chương.

Ý kiến giải trình: Tiếp thu, đã sửa đổi tại Dự thảo.

5. Ý kiến 5:

Tại Chương III đề nghị rà soát, sửa đổi tên Chương thành: “*Quy định về tập huấn*” và kết cấu lại chương này cho phù hợp. Tại Điều 9, đề nghị bổ sung khoản 1 quy định về đối tượng áp dụng hình thức tập huấn .

Ý kiến giải trình: Tiếp thu, đã sửa đổi tại Dự thảo.

6. Ý kiến 6:

Đề nghị bỏ nội dung cấp giấy chứng nhận đã hoàn thành chương trình tập huấn cho các đối tượng đối với trách nhiệm của Sở Công Thương do giấy này đã được giao cho tổ chức huấn luyện hoặc người vận tải cấp.

Ý kiến giải trình: Tiếp thu, đã sửa đổi tại Dự thảo.

Trên đây là ý kiến giải trình của Cục ATMT về báo cáo thẩm định của Vụ Pháp chế./.

Nơi nhận:

- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, ATCN.



Tô Xuân Bảo

BẢNG TỔNG HỢP TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CÁC ĐƠN VỊ

Dự thảo thông tư quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.

TT	Cơ quan góp ý	Điều khoản	Nội dung góp ý	Tiếp thu		Giải trình
				C	K	
1.	Bộ Xây Dựng	Điểm a khoản 2 Điều 9	Nhất trí với Dự thảo			
		Đề nghị chi thực hiện trong trường hợp có thay đổi hàng hóa nguy hiểm được vận chuyển.			X	Giữ nguyên như dự thảo. Việc tập huấn định kỳ là cần thiết để đảm bảo an toàn.
	Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Điều 10	Đề nghị bổ sung cụ thể về “chuyên ngành tập huấn”. Đồng thời, làm rõ cơ sở quy định thời gian 5 năm kinh nghiệm công tác.		X	Việc quy định chi tiết chuyên ngành tập huấn không hợp lý vì có rất nhiều hàng hóa nguy hiểm khác nhau. Kinh nghiệm 5 năm công tác trên cơ sở tham khảo Nghị định 113/2017/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất.
2.			Sửa tên “Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn” tại dự thảo Thông tư thành “Giấy chứng nhận đủ điều kiện để vận chuyển hàng hoá nguy hiểm” đảm bảo phù hợp với khoản 10 Điều 29 Nghị định số 42/2020/NĐ-CP.		X	Đã sửa tên “Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn” thành “Giấy chứng nhận đủ hoàn thành chương trình tập huấn”. Không phải là “Giấy chứng nhận đủ điều kiện vận chuyển hàng nguy hiểm”

TT	Cơ quan góp ý	Điều khoản	Nội dung góp ý	Tiếp thu		Giải trình
				C	K	
3.	Bộ Giao thông vận tải	Điều 1, Điều 8, Điều 9, Điều 10 và Điều 11	Đề nghị xem xét về việc sử dụng cụm từ “huấn luyện” (khoản 4 Điều 24 của Nghị định số 42/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định: Bộ Công Thương có trách nhiệm quy định nội dung, thời gian tập huấn, tiêu chuẩn cán bộ tập huấn...).	x		Tiếp thu. Đã sửa đổi cụm từ "huấn luyện" thành "tập huấn" theo Nghị định số 42/2020/NĐ-CP.
		Điều 3	Đề nghị sử dụng cụm từ “thiết bị chứa” thay thế cho cụm từ “Phương tiện chứa” để tránh nhầm với phương tiện vận tải.		x	Giữ nguyên như dự thảo. Đã giải thích cụm từ "Phương tiện chứa" tại khoản 3 Điều 3.
4.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Phụ lục VI	Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn vận chuyển hàng nguy hiểm: Đề nghị bỏ nội dung về trữ quản và trình độ văn hoá do đã có nội dung khai báo về Chứng minh thư nhân dân/Căn cước công dân. - Đề nghị xem xét, đổi nội dung “Đã qua lớp tập huấn vận chuyển hàng hoá nguy hiểm: <tên hàng hoá nguy hiểm>” thành “Đã hoàn thành chương trình tập huấn vận chuyển hàng hoá nguy hiểm: <loại/nhóm hàng hoá nguy hiểm>”.	x		Tiếp thu. Đã chỉnh sửa tại Dự thảo
5.		Phụ lục VI	Đề nghị đơn vị soạn thảo tuân thủ theo thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản được quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư (ví dụ: viết là “ Phụ lục VI MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ... (Kèm theo Thông tư số ...) ”).	x		Tiếp thu. Đã chỉnh sửa tại Dự thảo

TT	Cơ quan góp ý	Điều khoản	Nội dung góp ý	Tiếp thu		Giải trình
				C	K	
6.	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội		Các công việc đóng gói, bảo quản, vận chuyển, xếp dỡ các hóa chất nguy hiểm thuộc danh mục công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động được quy định tại Thông tư 06/2020/TT-BLĐTBXH. Người làm công việc nêu trên được huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động tương ứng nhóm 3 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ. Vì vậy đề nghị không đưa vào Thông tư nội dung huấn luyện để tránh trùng lặp		x	Giữ nguyên như dự thảo. Việc quy định nội dung tập huấn theo quy định chuyên ngành tại Nghị định 42/2020/NĐ-CP. Để tránh nội dung trùng lặp, tại điểm c Khoản 2 Điều 9 đã quy định "Tập huấn vận chuyển hàng hóa nguy hiểm có thể được tổ chức riêng hoặc kết hợp với các hoạt động huấn luyện an toàn khác được pháp luật quy định".
7.		Điểm b, Khoản 2 Điều 13	Đề nghị bỏ nội dung cấp Giấy chứng nhận huấn luyện của Sở Công Thương			Giữ nguyên như dự thảo. Việc cấp Giấy chứng nhận theo quy định tại khoản 4 Điều 11 là do người vận tải hoặc tổ chức huấn luyện cấp. Sở Công Thương chỉ có trách nhiệm kiểm tra việc cấp Giấy chứng nhận.

BẢNG TỔNG HỢP TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CÁC ĐƠN VỊ

Dự thảo thông tư quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.

TT	Cơ quan góp ý	Điều khoản	Nội dung góp ý	Tiếp thu		Giải trình
				C	K	
A	Các đơn vị có Công văn góp ý: Nhất trí với dự thảo					
	SCT: Cà Mau, Bà Rịa - Vũng Tàu, Sóc Trăng, Cao Bằng, Điện Biên, Trà Vinh, Gia Lai, Hà Giang, Quảng Trị, Hà Tĩnh, Hậu Giang					
B	Góp ý chung					
1.	SCT Vĩnh Long		Đề nghị bổ sung nội dung quy định những yêu cầu đối với phương tiện vận chuyển hàng nguy hiểm như: loại phương tiện, kết cấu khoang chứa, sàn, mái che, kiểm định... và quy định trạng bị thiết yếu như ứng cứu sự cố khẩn cấp.		x	Giữ nguyên như dự thảo. Nội dung này cần quy định trong quy chuẩn, tiêu chuẩn của phương tiện vận chuyển cụ thể
2.	SCT Bình Định, Phú Yên, Bộ GTVT		Đề nghị điều chỉnh tất cả các từ “huấn luyện” trong Thông tư thành “tập huấn” để phù hợp với quy định Nghị định số 42/2020/NĐ-CP ngày 8/4/2020 của Chính phủ.	x		Tiếp thu
3.	Bộ NNPTNT, Lạng Sơn, Ninh Bình		Đề nghị trình bày bổ cục dự thảo Thông tư theo Chương, điều, khoản, điểm quy định tại Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.	x		Tiếp thu
4.	Bộ GTVT		Đề nghị bổ sung quy định loại hàng hóa nguy hiểm khi vận chuyển phải bắt buộc có người áp tải.		x	Đã được quy định tại Phụ lục 1
5.	SCT Bạc Liêu		Đề nghị sửa cụm từ “Cơ sở vận chuyển hàng hóa nguy hiểm” thành Cơ sở có hoạt động vận chuyển hàng hóa nguy hiểm” Đề nghị bổ sung “Cột Công thức hóa học, Mã CAS” vào Phụ lục 1	x		Tiếp thu có chỉnh sửa: sử dụng thuật ngữ người vận tải, người thuê vận tải
6.	Tổng Cục Quản lý thi trường		Đề nghị rà soát, chỉnh sửa cách dẫn chiếu văn bản quy phạm pháp luật, kiểu chữ thể hiện tên Thông tư để đảm bảo đúng quy định của Luật ban	x		Tiếp thu

TT	Cơ quan góp ý	Điều khoản	Nội dung góp ý	Tiếp thu		Giải trình
				C	K	
			hành văn bản quy phạm pháp luật.			
7.	SCT Lai Châu		Đề nghị điều chỉnh tên gọi của Danh mục hàng hóa nguy hiểm phải đóng gói để đảm bảo tính thống nhất do trong Dự thảo tên gọi của Thông tư là “Danh mục hàng hóa nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận tải” nhưng nội dung trong dự thảo Thông tư và tên Phụ lục 1 Thông tư là “Danh mục hàng hóa nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển”.	x		Tiếp thu
8.	SCT Lào Cai		Quy định trách nhiệm của cơ quan cấp giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm: Sau khi cấp giấy phép vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm cho đơn vị phải gửi Sở Công Thương quản lý 01 bản để thực hiện việc theo dõi, giám sát. Trách nhiệm của đơn vị vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm sau khi được cấp Giấy phép vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm phải thực hiện thông báo bằng văn bản đến Sở Công Thương trước khi thực hiện hoạt động nhập khẩu và vận chuyển. Văn bản phải thể hiện rõ lộ trình vận chuyển; mô tả quy cách đóng gói và Giấy phép vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm, Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn về vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm, phương án ứng cứu khẩn cấp.		x	Giữ nguyên như dự thảo. Không quy định TTHC tại Thông tư
9.	Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng		Đề nghị bổ sung làm rõ nội hàm quy định về “Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hoặc Phiếu kết quả thử nghiệm, kiểm định đối với vật liệu bao gói, chứa đựng hàng nguy hiểm” quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 17, Nghị định số 42/2020/NĐ-CP.			Giữ nguyên như dự thảo.
C	Góp ý cụ thể					
1.	SCT Thái Nguyên, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Căn cứ	Đề nghị thay từ “vận chuyển” thành từ “vận tải” cho phù hợp với trích yếu của Dự thảo Thông tư.	x		Thay chữ Vận tải bằng vận chuyển hoặc ngược lại

TT	Cơ quan góp ý	Điều khoản	Nội dung góp ý	Tiếp thu		Giai trình
				C	K	
2.	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Điều 1	Thay cụm từ “ <i>phương án ứng cứu khẩn cấp</i> ” bằng cụm từ “ <i>kế hoạch ứng cứu khẩn cấp</i> ” và dùng cụm từ này trong toàn thông tư.			Giữ nguyên như dự thảo
3.	SCT Bình Thuận	Điều 2	Qua nghiên cứu dự thảo Thông tư thay thế chỉ quy định nội dung, đối tượng được quản lý thuộc phạm vi của ngành công thương là: tổ chức, cá nhân liên quan đến vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ. Đề nghị xem xét, chỉnh sửa cho thống nhất phạm vi, đối tượng.	x		Tiếp thu
4.	SCT Đà Nẵng	Điều 2	Phạm vi điều chỉnh đề nghị bổ sung: “... (trừ xe mô tô hai bánh; xe mô tô ba bánh; xe gắn máy; xe điện)...”		X	Giữ nguyên như dự thảo
5.	SCT Vĩnh Long	Khoản 1 Điều 3	Hàng hóa nguy hiểm” gồm hàng hóa nguy hiểm loại 2, loại 3, các loại xăng dầu, khí đốt và các hoá chất nguy hiểm, các hoá chất độc nguy hiểm còn lại theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Nghị định 42/2020/NĐ-CP. Đề nghị phân loại theo luật Hóa chất		x	Giữ nguyên như dự thảo, căn cứ Điều 24 Nghị định số 42/2020/NĐ-CP
6.		Khoản 1, Điều 3	Cách giải thích hàng hóa nguy hiểm bị trùng lặp ý, nên điều chỉnh lại theo hướng hàng hóa nguy hiểm bao gồm Xăng dầu, khí đốt và các hóa chất nguy hiểm theo quy định tại khoản 4,5, điều 4, Luật Hóa chất		x	Giữ nguyên như dự thảo, căn cứ Điều 24 Nghị định số 42/2020/NĐ-CP
7.	SCT Vĩnh Long, Bình Dương	Khoản 1 Điều 3	Về giải thích từ ngữ “hàng hóa nguy hiểm”, đề nghị: thống nhất giải thích theo tên hàng hóa hoặc theo loại hàng hóa nguy hiểm được quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 42/2020/NĐ-CP; hoặc bổ sung Danh mục hàng hóa nguy hiểm không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư tại Điều 1.		x	Giữ nguyên như dự thảo
8.		Điều 3	Bổ sung giải thích các từ ngữ sau: “người vận chuyển”, “cơ sở vận chuyển”; hoặc thống nhất cách dùng từ ngữ được giải thích tại Điều 3 Nghị định số 42/2020/NĐ-CP (các mục có liên quan đến từ ngữ này như: khoản 1 Điều 8, khoản 1, 3, 5 Điều 11, khoản 3 Điều 13; Phụ lục 6, 7, 8).	x		Tiếp thu, thay thế cụm từ người vận chuyển”, “cơ sở vận chuyển” bằng “người vận tải”

TT	Cơ quan góp ý	Điều khoản	Nội dung góp ý	Tiếp thu		Giải trình
				C	K	
9.	Vụ Vận tải, Bộ Giao thông	Khoản 3 Điều 3	Đề nghị xem xét việc sử dụng cụm từ "Phương tiện chứa" để bảo đảm phù hợp với Nghị định 42/2020/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác.		x	Đã có giải thích cụ thể thuật ngữ Phương tiện chứa
10.	Vụ Khoa học Công nghệ, Bộ Công Thương	Khoản 1 Điều 3	Đề nghị xem xét lược bỏ giải thích từ ngữ về "Hàng hóa nguy hiểm" gồm hàng hóa nguy hiểm loại 2, loại 3, các loại xăng dầu, khí đốt và các hoá chất nguy hiểm, các hoá chất độc nguy hiểm còn lại theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Nghị định 42/2020/NĐ-CP."		x	Giữ nguyên như dự thảo. Đề rõ nghĩa trong Thông tư này hàng hóa nguy hiểm được hiểu chỉ gồm hàng hóa nguy hiểm loại 2, loại 3, các loại xăng dầu, khí đốt...
11.	SCT Hà Nam	Khoản 3 Điều 3	Bổ sung giải thích từ ngữ các loại đóng gói được nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 như (TP, R ký hiệu là gì?).	x		Giữ nguyên như dự thảo. Đây là ký hiệu mã đóng gói
12.	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Khoản 3 Điều 3	Bổ sung thêm định nghĩa: Phương tiện chứa kiểu FL và AT	x		Giữ nguyên như dự thảo. Đã quy định rõ tại Phụ lục 3
13.	Vụ Khoa học Công nghệ, Bộ Công Thương	Khoản 3 Điều 4	Đề nghị bổ sung cơ sở để phân loại "Bao gói cỡ nhỏ", "Bao gói cỡ lớn", "Thùng chứa hàng rời cỡ trung", "Bao gói trong", "Bao gói ngoài", "Bao gói kết hợp", v.v... - Tại Điều 4 Dự thảo Thông tư: Đề nghị sửa đổi tên Điều 4 thành "Danh mục hàng hóa nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển" và bổ sung quy định về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục hàng hóa nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển.		x	Tiếp thu. Sửa đổi tên Điều 4
14.	SCT Nghệ An	Điểm a Khoản 2 Điều 5	Xem xét bổ sung thành "Được thể hiện bằng tiếng Việt hoặc tiếng Việt và tiếng Anh."		x	Giữ nguyên như dự thảo

TT	Cơ quan góp ý	Điều khoản	Nội dung góp ý	Tiếp thu		Giải trình
				C	K	
15.	Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Khoản 4 Điều 5	Đề nghị quy định kích thước tối đa, tối thiểu		x	Giữ nguyên như dự thảo
16.	Tổng Cục Quản lý thi trường	Khoản 4 Điều 5	Tại các khoản 4 Điều 5, khoản 1, 2 Điều 6... dự thảo Thông tư có quy định “tại cột 7 Danh mục, cột 6 Danh mục, cột 8 Danh mục...”, đề nghị rà soát, bổ sung Danh mục thuộc Phụ lục nào để việc dẫn chiếu được cụ thể, chính xác.		x	Theo quy định tại Điều 4, Danh mục được hiểu là Danh mục tại Phụ lục 1 của Thông tư này.
17.	Tổng Cục Quản lý thi trường	Điểm a Khoản 3 Điều 5	Đề nghị bổ sung giải thích từ ngữ đối với “phương tiện chứa trung gian”			Giữ nguyên như dự thảo.
18.	SCT Lai Châu	Khoản 2 Điều 6	Đề nghị sửa “Mã đóng gói hàng hóa nguy hiểm quy định tại cột 9 Danh mục”	x		Tiếp thu
19.	SCT Long An, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Tập đoàn Hóa chất VN	Khoản 1 Điều 7	Tại khoản 1: Đề nghị bổ sung quy định về thời gian thử nghiệm, kiểm định lại cho phương tiện chứa hàng hóa nguy hiểm thuộc loại sử dụng lại nhiều lần đối với các phương tiện chứa hàng hóa nguy hiểm không thuộc danh mục máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động (vì các phương tiện chứa hàng hóa nguy hiểm thuộc danh mục máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sẽ được kiểm định định kỳ theo quy định)		x	Thời gian thử nghiệm, kiểm định không quy định tại Thông tư này. Nội dung này cần được quy định tại quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng của phương tiện chứa
20.	SCT Long An	Khoản 2 Điều 7	Tại khoản 2: Thay thế dấu phẩy (,) sau cụm từ “PG I” tại điểm a và sau cụm từ “Đối với các phương tiện chứa còn lại” tại điểm b bằng dấu hai chấm (:) nhằm xác định cụ thể đối tượng được quy định.		x	Giữ nguyên như dự thảo

TT	Cơ quan góp ý	Điều khoản	Nội dung góp ý	Tiếp thu		Giải trình
				C	K	
21.	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Khoản 1 Điều 7	Sửa đổi, bổ sung như sau: Phương tiện chứa hàng hóa nguy hiểm trước khi đưa vào sử dụng phải được thử nghiệm, kiểm định và cấp Giấy chứng nhận bởi các tổ chức có chức năng.		x	Giữ nguyên như dự thảo.
22.	SCT Thái Nguyên	Khoản 1 Điều 7	Đề nghị bổ sung thêm cụm từ “trừ các can, thùng chứa hóa chất nguy hiểm sử dụng lại”. Vì hiện nay chưa có các đơn vị thử nghiệm, kiểm định đối với phương tiện chứa này.		x	Giữ nguyên như dự thảo. Theo quy định tại Điều 4, Danh mục được hiểu là Danh mục tại Phụ lục 1.
23.	SCT Đà Nẵng	Khoản 1 Điều 8	Đề nghị chỉnh sửa như sau: “Người vận chuyển phải...tại cột 7 của Phụ lục 1 - Danh mục hàng hóa nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển”	X		Tiếp thu có chỉnh sửa
24.	SCT Ninh Bình	Khoản 1 Điều 8	Sửa cụm từ: “Người vận chuyển phải cứ người áp tải...” thành “Tổ chức cá nhân vận chuyển phải cứ người áp tải...”	x		Tiếp thu có chỉnh sửa. Thay từ "người vận chuyển" thành "người vận tải".
25.	SCT Bình Dương, Bình Định	Khoản 2 Điều 8	Đề nghị bỏ điểm d và điều chỉnh điểm a để phù hợp với quy định tại Nghị định số 42/2020/NĐ-CP ngày 8/4/2020 của Chính phủ, quy định tất các đối tượng gồm: Người điều khiển phương tiện, người áp tải, xếp, dỡ, thủ kho phải được tập huấn và cấp giấy chứng nhận đã hoàn thành chương trình tập huấn về loại hàng hóa nguy hiểm do mình vận chuyển, áp tải, xếp, dỡ hoặc lưu kho bãi.	x		Tiếp thu có chỉnh sửa. Bỏ quy định tại Khoản 2 Điều 8
26.	SCT Bình Thuận	Khoản 2 Điều 8	Đề nghị bỏ nội dung cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong dự thảo Thông tư thay thế, lý do: (1) Không thống nhất trong việc cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn cho các đối tượng, mà chỉ có Người điều khiển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; (2) Việc cấp Giấy chứng nhận được thực hiện do đơn vị tổ chức huấn luyện (Cơ sở vận chuyển hoặc tổ chức huấn luyện). Việc cơ sở vận chuyển thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận bất hợp lý do đơn vị này phải thuê người huấn luyện đảm bảo điều kiện để huấn luyện, ban hành Giấy		x	Cấp Giấy chứng nhận là yêu cầu tại Nghị định 42/2020/NĐ-CP

TT	Cơ quan góp ý	Điều khoản	Nội dung góp ý	Tiếp thu		Giải trình
				C	K	
			chứng nhận, trên thực tế chưa có trường hợp cấp Giấy chứng nhận các lĩnh vực khác thực hiện như vậy.			
27.	Vụ Pháp chế - Bộ NNPTNT	Khoản 2 Điều 8	Đề nghị xem xét bỏ khoản 2 Điều 8 dự thảo Thông tư vì khoản 1 Điều 8 Nghị định số 42/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ quy định Danh mục hàng hoá nguy hiểm, vận chuyển hàng hoá nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa đã quy định yêu cầu đối với người điều khiển phương tiện vận chuyển hàng hóa nguy hiểm. Đồng thời, Nghị định số 42/2020/NĐ-CP không giao Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết nội dung này.	x		Tiếp thu.
28.	Vụ Vận tải, Bộ Giao thông	Điều 8	Đề nghị xem xét bỏ cụm từ "giao thông cơ giới đường bộ" sau cụm từ "Người điều khiển phương tiện" để đảm bảo đủ và phù hợp với loại hình vận tải đường thủy nội địa và đường sắt.	x		Tiếp thu
29.	SCT Ninh Bình	Điều 8	Đề nghị bổ sung cụm từ "đường sắt và đường thủy nội địa" sau cụm từ "Người điều khiển... cơ giới đường bộ"	x		Tiếp thu
30.	Tổng Cục Quản lý thi trường	Điều 8	Đề nghị rà soát, quy định thống nhất về "người vận chuyển" tại khoản 1 Điều 8 và "cơ sở vận chuyển hàng hóa" tại khoản 1, 3, 5 Điều 11 dự thảo Thông tư.	x		Tiếp thu. Đã chỉnh sửa thành "người vận tải".
31.	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Điều 8	Khoản 1, khoản 2 sửa đổi, bổ sung như sau: Người vận tải phải cử người áp tải khi vận chuyển hàng hóa nguy hiểm với khối lượng lớn hơn mức quy định tại cột 7 Danh mục.	x		Tiếp thu
32.	SCT Thái Nguyên	Điều 8	Đề nghị chỉnh sửa lại khoản 2: Vì tại các điểm a, d trùng nội dung về huấn luyện kỹ thuật an toàn trong vận chuyển hàng nguy hiểm.	x		Tiếp thu

TT	Cơ quan góp ý	Điều khoản	Nội dung góp ý	Tiếp thu		Giải trình
				C	K	
33.	Vụ Pháp chế, Bộ Công Thương	Điều 8	Tại Điểm d Khoản 2 Điều 8 đề nghị rà soát và chỉnh lý theo hướng loại trừ các yêu cầu tại điểm a, b, c vì việc cấp chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vận chuyển hàng hóa nguy hiểm đã phải đáp ứng các yêu cầu nêu trên.	x		Tiếp thu có chỉnh sửa. Đã bỏ Khoản 2 Điều 8.
34.	SCT Long An	Điểm d Khoản 1 Điều 9	Đề nghị hướng dẫn cụ thể, chi tiết các đối tượng nào phải xây dựng Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp hoặc căn cứ vào văn bản quy phạm pháp luật nào để xác định.		x	Đối tượng phải xây dựng Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp đã được quy định tại Điều 4. Vị hàng nguy hiểm nhiều loại chuyên ngành khác nhau nên không quy định chi tiết được VBQPPL cụ thể.
35.	SCT Long An	Khoản 2 Điều 9	Về thời gian huấn luyện định kỳ 02 năm quy định điểm a khoản 2 đề nghị đơn vị xem xét tăng thời gian huấn luyện định kỳ lên 03 năm hoặc 05 năm nhằm giảm chi phí và thời gian cho tổ chức, cá nhân.		x	Đề phù hợp với các hình thức huấn luyện khác: ATVSLĐ, an toàn trong hoạt động kinh doanh khí...
36.	SCT Bình Dương	Điều 9	Tại điểm c Khoản 1 Điều 9 , đề nghị điều chỉnh thành: “Các loại bao bì, thùng chứa hàng hóa nguy hiểm cần vận chuyển; yêu cầu kiểm tra, kiểm định”.		x	Giữ nguyên như dự thảo.
37.	Vụ Pháp chế, Bộ NNPTNT	Điều 9	Đối với hình thức huấn luyện lại quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 dự thảo Thông tư: Đề nghị chi thực hiện trong trường hợp có thay đổi hàng hóa nguy hiểm được vận chuyển.		x	Giữ nguyên như dự thảo
38.	SCT Quảng Nam	Điều 9	Mục d: Đề nghị chỉnh sửa thành “Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp đối với sự cố vận chuyển hàng hóa nguy hiểm”.		x	Giữ nguyên như dự thảo
39.	SCT Lai Châu	Điều 9	Đề nghị thống nhất tên gọi về nội dung ứng cứu khẩn cấp do tại điểm d khoản 1 Điều 9 dự thảo Thông tư là “kế hoạch ứng cứu khẩn cấp”, “kế	x		Tiếp thu

TT	Cơ quan góp ý	Điều khoản	Nội dung góp ý	Tiếp thu		Giải trình
				C	K	
			hoạch ứng phó khẩn cấp” tuy nhiên tại khoản 1 Điều 12 dự thảo Thông tư là “phương án ứng cứu khẩn cấp”.			
40.	SCT Kiên Giang	Điều 9	Tại điểm đ khoản 1 quy định “kế hoạch ứng cứu khẩn cấp đối với hàng hóa nguy hiểm phải lập kế hoạch ứng cứu khẩn cấp” đề nghị hướng dẫn cụ thể, chi tiết đối tượng nào phải xây dựng kế hoạch Tại điểm c, khoản 2 đề nghị hướng dẫn cụ thể như Huấn luyện an toàn hóa chất	x		Tiếp thu. Đã chỉnh sửa “kế hoạch” thành “phương án” theo quy định tại Điều 12
41.	SCT Long An	Điều 9	Đề nghị xem xét lược bỏ nội dung tại khoản 6 vì tại điểm a, khoản 2 Điều 9 của dự thảo Thông tư đã quy định thời hạn huấn luyện định kỳ là 02 năm.			Vì còn mục huấn luyện lại
42.	Vụ Pháp chế, Bộ NNPTNT	Điều 9	Đề nghị rà soát và sửa tên “Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn” tại dự thảo Thông tư thành “Giấy chứng nhận đủ điều kiện để vận chuyển hàng hoá nguy hiểm” đảm bảo phù hợp với khoản 10 Điều 29 Nghị định số 42/2020/NĐ-CP.	x		Tiếp thu
43.	SCT Yên Bái	Mục III	Đề nghị bổ sung số lượng tối đa học viên của một lớp huấn luyện.	x		Giữ nguyên như dự thảo
44.	SCT Long An, Hưng Yên, Bình Thuận, Nghệ An, Hà Nam, Kiên Giang, Quảng Ngãi, Thái Nguyên, Thái Bình, Ninh Bình; Vụ Pháp chế - Bộ NNPTNT	Điều 10	Quy định “Người huấn luyện phải có trình độ đại học trở lên phù hợp với chuyên ngành huấn luyện và có ít nhất 5 năm kinh nghiệm công tác trong chuyên ngành đó”, đề nghị đơn vị quy định rõ hơn về chuyên ngành, chuyên môn của người huấn luyện.	x		Giữ nguyên như dự thảo. Vì nhiều loại hàng hóa nguy hiểm khác nhau nên không thể quy định rõ từng chuyên ngành trong Thông tư được

TT	Cơ quan góp ý	Điều khoản	Nội dung góp ý	Tiếp thu		Giải trình
				C	K	
45.	SCT Đák Nông, Lạng Sơn	Điều 10	Quy định "Người huấn luyện phải có trình độ đại học trở lên phù hợp với chuyên ngành huấn luyện đó, hoặc làm quản lý nhà nước trong lĩnh vực kỹ thuật an toàn từ 03 năm liền kể trở lên; có kiến thức pháp luật về hàng hóa nguy hiểm"		x	Giữ nguyên như dự thảo
46.	SCT Quảng Ngãi, Thái Bình	Điều 10	Để thuận tiện kiểm tra việc tuân thủ các điều kiện vận chuyển hàng hóa nguy hiểm theo quy định quản lý; kiểm soát, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về cấp chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vận chuyển hàng hóa nguy hiểm. Đề nghị xem xét chỉnh sửa, bổ sung chức năng, nhiệm vụ cho Sở Công Thương đối với nội dung kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vận chuyển hàng hóa nguy hiểm.		x	Giữ nguyên như dự thảo. Việc cấp Giấy chứng nhận đã được quy định tại Nghị định 42/2020/NĐ-CP.
47.	SCT Hòa Khánh	Khoản 1 Điều 11	Đề nghị xem xét, giao SCT kiểm tra, cấp GCN huấn luyện		x	Giữ nguyên như dự thảo. Không phát sinh TTHC trong Thông tư
48.	SCT Bắc Cạn	Điều 11	Đề nghị rà soát, bổ sung một số nội dung quy định về huấn luyện kỹ thuật an toàn vận chuyển hàng nguy hiểm: Quy định cụ thể thời gian làm bài, tài liệu chứng minh các thông tin của người huấn luyện, thời gian lưu giữ hồ sơ huấn luyện đối với cơ sở vận chuyển hàng nguy hiểm Xem xét bổ sung trách nhiệm khác phục hậu quả khi xảy ra sự cố trong các trường hợp tai nạn, cháy nổ của cơ sở vận chuyển hàng nguy hiểm	x		Tiếp thu có chỉnh sửa
49.	SCT Hưng Yên	Điều 11	Tại điểm d, đ Khoản 4 chỉnh sửa cụm từ " kỹ thuật an toàn" thành "kỹ thuật an toàn vận chuyển hàng hóa nguy hiểm"	x		Tiếp thu có chỉnh sửa
50.	Quảng Long An Nam, An	Điều 11	Điểm d, Mục 4: Đề nghị bỏ phần trong ngoặc đơn (đối với trường hợp tổ chức huấn luyện được cơ sở vận chuyển hàng hóa nguy hiểm thuê huấn luyện). Vì Phụ lục 8 dành cho cả cơ sở vận chuyển và cơ sở tổ chức huấn luyện.	x		Tiếp thu

TT	Cơ quan góp ý	Điều khoản	Nội dung góp ý	Tiếp thu		Giải trình
				C	K	
51.	SCT Nghệ An	Điều 11	Tại khoản 3 xem xét bổ sung việc gửi kết quả huấn luyện cho cơ quan quản lý để nắm bắt và theo dõi.		x	Giữ nguyên như dự thảo. Chi cần lưu hồ sơ tại cơ sở phục vụ công tác kiểm tra của cơ quan quản lý, không phát sinh TTHC tại Thông tư.
52.	SCT Hà Nam	Điều 11	- Bổ sung vào Khoản 4: Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vận chuyển hàng hóa nguy hiểm của người điều khiển phương tiện vận chuyển. Đề nghị bổ sung cụm từ “và kiểm tra đánh giá kết quả huấn luyện” vào nội dung khoản 3 như sau: “3. Trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ khi kết thúc huấn luyện và kiểm tra đánh giá kết quả huấn luyện, cơ sở vận chuyển hoặc tổ chức....” + Tại khoản 5: Đề nghị quy định cụ thể thời gian lưu trữ hồ sơ huấn luyện kỹ thuật an toàn vận chuyển hàng hóa nguy hiểm.		x	Giữ nguyên như dự thảo. GCN do người được huấn luyện giữ.
53.	SCT Long An	Điều 11			x	Giữ nguyên như dự thảo. Nghị định 42/2020/NĐ-CP đã quy định
54.	SCT Bình Dương	Điều 12	Tại khoản 1 đề nghị điều chỉnh thành: “Việc vận chuyển hàng hóa nguy hiểm với khối lượng....”	x		Tiếp thu
55.	SCT Bình Phước	Điều 12	Đề nghị bổ sung thêm Khoản 6 như sau: “Trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày ban hành phương án ứng cứu khẩn cấp, tổ chức, cá nhân vận chuyển hàng nguy hiểm hiểm gửi 01 bản phương án ứng cứu khẩn cấp đến Sở Công Thương tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở chính để giám sát, quản lý.”		x	Giữ nguyên như dự thảo. Không quy định TTHC trong Thông tư
56.	Vụ Khoa học Công nghệ, Bộ Công Thương	Điều 12	Tại khoản 2: Đề nghị sửa “Bộ Trưởng Bộ Công Thương” thành “Bộ trưởng Bộ Công Thương”	x		Tiếp thu
57.	SCT Ninh Thuận, Tập	Điều 12	Tại khoản 1 có nội dung: “Việc vận chuyển hàng hóa nguy hiểm với khối lượng lớn hơn khối lượng quy định tại cột 7 Danh mục, yêu cầu	x		Tiếp thu

TT	Cơ quan góp ý	Điều khoản	Nội dung góp ý	Tiếp thu		Giải trình
				C	K	
	đoàn Dầu khí Việt Nam		phải lập phương án ứng cứu khẩn cấp; nội dung phương án ứng cứu khẩn cấp quy định tại Phụ lục 5 Thông tư này". Nội dung này không rõ đề nghị sửa lại là: Việc vận chuyển hàng hóa nguy hiểm với khối lượng lớn hơn khối lượng quy định tại cột 7 Phụ lục 1 Thông tư này, yêu cầu phải lập phương án ứng cứu khẩn cấp nội dung phương án ứng cứu khẩn cấp quy định tại Phụ lục 5 Thông tư này			
58.	SCT Yên Bái	Điều 12	Khoản 1, đề nghị bổ sung nội dung phương án ứng cứu khẩn cấp phải được Sở Công Thương phê duyệt, thẩm định; Khoản 4, đề nghị bổ sung: Định kỳ hàng năm người vận tải phải tổ chức thực tập xử lý sự cố theo phương án ứng cứu khẩn cấp đã thiết lập và phải được Sở Công Thương cử cán bộ tham gia giám sát, xác nhận thực tập.		x	Giữ nguyên như dự thảo. Không quy định TTHC trong Thông tư
59.	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Điều 12	Khoản 4: bỏ câu: "Định kỳ hàng năm, người vận tải phải tổ chức thực tập xử lý sự cố theo phương án ứng cứu khẩn cấp đã thiết lập"	x		Tiếp thu
60.		Điều 12	Khoản 1, Khoản 3, Khoản 4 tên nội dung "phương án ứng cứu khẩn cấp" không đúng với tên phụ lục 5 "Các yêu cầu về ứng cứu khẩn cấp". Đề nghị chỉnh sửa thống nhất tên nội dung và tên phụ lục phù hợp	x		Tiếp thu
61.	SCT Hà Nam, Lạng Sơn	Khoản 3, 4 Điều 12	Khoản 3, Khoản 4 Đề nghị sửa nội dung "hướng dẫn xử lý sự cố" thành "Phiếu an toàn hóa chất".		x	Giữ nguyên như dự thảo.
62.		Khoản 5 Điều 12	Bổ sung các nội dung thông báo tai nạn, sự cố tại Khoản 5 Điều 12 vào phụ lục 5 (Các yêu cầu về ứng cứu khẩn cấp). Bổ sung thời gian cụ thể việc thông báo tai nạn cho cơ quan có trách nhiệm cứu nạn, cứu hộ và Sở Công Thương	x		Tiếp thu có chỉnh sửa, bỏ khoản 5 Điều 12
63.	Tập đoàn Hóa chất VN	Điều 12	Cần quy định thêm phương tiện vận chuyển hàng hóa nguy hiểm phải mang theo phương tiện ứng cứu khẩn cấp ở mức độ nhỏ, mục đích ngăn			Giữ nguyên như dự thảo

TT	Cơ quan góp ý	Điều khoản	Nội dung góp ý	Tiếp thu		Giải trình
				C	K	
			chặn hoặc hạn chế sự cố lớn có thể xảy ra			
64.	SCT Thái Nguyên	Điều 12	Tại khoản 5 Điều 12: “Trong các trường hợp sự cố,..... thông báo ngay cho Ủy ban nhân dân địa phương;.....các thông tin sau:”. Đề nghị nêu rõ thông báo cho UBND chính quyền địa phương cấp xã cho phù hợp với khoản 3 Điều 30 Nghị định 42/2020/NĐ-CP.	x		Tiếp thu
65.	SCT Bình Phước	Điều 13	Đề nghị bổ sung thêm Điểm d vào Khoản 3 Điều 13 như sau: “Trước ngày 15 tháng 01 hàng năm, tổ chức, cá nhân vận chuyển hàng nguy hiểm có trách nhiệm báo cáo tình hình hoạt động vận chuyển của năm trước gửi Sở Công Thương tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi đặt trụ sở chính đề tổng hợp, quản lý.” Lý do: Dự thảo Thông tư quy định tổ chức, cá nhân vận chuyển hàng nguy hiểm tự lập phương án ứng cứu khẩn cấp và tự thực hiện (hoặc thuê tổ chức huấn luyện) huấn luyện kỹ thuật an toàn vận chuyển nhưng Dự thảo Thông tư không có quy định về chế độ báo cáo. Do đó Sở Công Thương sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 13 của Dự thảo đối với hoạt động vận chuyển hàng nguy hiểm của các đơn vị này.		x	Giữ nguyên như dự thảo
66.	SCT Hưng Yên	Điều 13	Tại điểm d, khoản 2 chỉnh sửa như sau: Tổ chức thanh tra, kiểm tra công tác huấn luyện, sát hạch, cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vận chuyển hàng hóa nguy hiểm cho người điều khiển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý;	x		Tiếp thu
67.	Vụ Khoa học Công nghệ, Bộ Công Thương	Điều 13	Đề nghị quy định cụ thể đơn vị chủ trì trong việc sửa đổi, bổ sung Danh mục hàng hóa nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận tải và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.		x	Giữ nguyên như dự thảo
68.	SCT Yên Bái	Điều 13	Tại Khoản 2, đề nghị bổ sung. Trách nhiệm của Sở Công Thương phải cử cán bộ tham gia, giám sát việc thực tập và thẩm định kế hoạch ứng cứu khẩn cấp trên địa bàn.		x	Giữ nguyên như dự thảo. Không quy định các TTHC tại Thông tư

TT	Cơ quan góp ý	Điều khoản	Nội dung góp ý	Tiếp thu		Giải trình
				C	K	
69.	SCT Hà Nam	Điều 13	Khoản 3 bổ sung nội dung “ Xây dựng phương án ứng cứu khẩn cấp đối với phương tiện vận chuyển hàng rời với khối lượng lớn hơn mức quy định tại cột 7 Danh mục”.		x	Giữ nguyên như dự thảo. Đã quy định tại điểm c khoản 3 Điều 13
70.	Vụ Pháp chế, Bộ NNPTNT	Điều 14	Về kỹ thuật soạn thảo: Đề nghị rà soát, viết lại khoản 1 Điều 14 dự thảo Thông tư để phù hợp với Điều 12 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.	x		Tiếp thu
71.	Vụ Khoa học Công nghệ, Bộ Công Thương	Điều 14	Đề nghị bổ sung điều khoản chuyển tiếp để giảm thiểu phát sinh vướng mắc cho các tổ chức, doanh nghiệp liên quan trong quá trình chuyển đổi sang áp dụng quy định mới. Đề nghị thống nhất một số đơn vị đo lường: “lít”, “m3”, v.v... - Đề nghị chỉnh sửa một số lỗi chính tả:	x		Đã có điều khoản chuyển tiếp tại Nghị định Tiếp thu
72.	SCT Cần Thơ	Phụ lục 1	Đề nghị bổ sung các loại hàng hóa gồm: Cồn khô, Cồn thạch (dùng làm nhiên liệu đốt trong nấu nướng thay cho các loại bếp mini) vào Danh mục hàng hóa nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển (Phụ lục 1).		x	Giữ nguyên như dự thảo. Căn cứ vào Danh mục tại Nghị định 42/2020/NĐ-CP
73.	SCT Hà Nam	Phụ lục 1	Phụ lục 1: cột loại đóng gói chưa đầy đủ các loại đóng gói so với Phần II Phụ lục 3. Đề nghị bổ sung đầy đủ các mức đóng gói đối chiếu với Phụ lục 3.	x		Tiếp thu
74.	SCT Lào Cai	Phụ lục 1	Đề nghị bổ sung: phốt pho vàng, đỏ, trắng, lưu huỳnh; tiền chất thuốc nổ, vật liệu nổ công nghiệp.		x	Giữ nguyên như dự thảo. Căn cứ vào Danh mục tại Nghị định 42/2020/NĐ-CP
75.	SCT Long An, Đồng Nai	Phụ lục 1	Hiện tại trong Phụ lục 1 của dự thảo Thông tư chỉ quy định hàng hóa nguy hiểm thuộc nhóm 2 (chất khí), nhóm 3 (Chất lỏng dễ cháy và chất nổ lỏng khử nhạy) và nhóm 6.1 (Chất độc). Đề nghị rà soát, bổ sung vào 2 Phụ lục các hóa chất nguy hiểm thuộc nhóm 4, nhóm 5 và nhóm 8		x	Giữ nguyên như dự thảo. Căn cứ vào nhiệm vụ được giao của BCT tại Nghị định

TT	Cơ quan góp ý	Điều khoản	Nội dung góp ý	Tiếp thu		Giải trình
				C	K	
			được quy định tại Phụ lục I của Nghị định số 42/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ quy định danh mục hàng hoá nguy hiểm, vận chuyển hàng hoá nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hoá nguy hiểm trên đường thủy nội địa nhằm đảm bảo đúng theo nội dung khai niệm về “Hàng hóa nguy hiểm” được quy định tại khoản 1 Điều 3 của dự thảo Thông tư.			42/2020/NĐ-CP
76.	SCT Ninh Thuận, Cục Hóa chất	Phụ lục 1	Một số hóa chất tại Phụ lục 1 không quy định mức khối lượng phải xây dựng Phương án ứng phó sự cố khẩn cấp (cột 7 để trống). Dự thảo không nêu rõ hóa chất này có phải lập Phương án không, hay chỉ lập Phiếu an toàn hóa chất? đề nghị bổ sung quy định		x	Giữ nguyên như dự thảo. Đã quy định tại Điều 12.
77.	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Phụ lục 1	Phụ lục 1 sửa đổi, bổ sung như sau: Hàng hóa nguy hiểm thứ tự số 556 (UN 1971) và 557 (UN 1972) trong Danh mục: ngưỡng khối lượng cần xây dựng kế hoạch ứng cứu khẩn cấp là 10 000 kg			Giữ nguyên như dự thảo
78.	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Phụ lục 2	Phụ lục 2 sửa đổi, bổ sung như sau: Khoản 1, mục a: Bổ sung định nghĩa “ Nhóm đóng gói I ”; “ Nhóm đóng gói II ”; “ Nhóm đóng gói III ”; Khoản 3: Bổ sung định nghĩa: “ Đóng gói mức I (PG I) ”; “ Đóng gói mức II (PG II) ”; “ Đóng gói mức III (PG III) ”	x		Giữ nguyên như dự thảo
79.	SCT Hà Nam	Phụ lục 2	Đề nghị chỉnh sửa theo từng loại nguy hiểm quy định tại khoản 1 Điều 4 của Nghị định 42/2020/NĐ-CP.			Giữ nguyên như dự thảo
80.	SCT Hà Nam	Phụ lục 3	Phần II chi tiết về yêu cầu đóng gói chưa đảm bảo đầy đủ so với loại đóng gói tại Phụ lục 1 (Chưa nêu được chi tiết yêu cầu đóng gói đối với loại đóng gói P010, P203 đã quy định tại Phụ lục 1).	x		Tiếp thu
81.			- Trang 1, bỏ từ “nước” tại dòng 21 từ trên xuống	x		Tiếp thu
82.	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Phụ lục 3	- Trang 3: Bổ sung chú giải và hướng dẫn sử dụng thông tin của Bảng tại khoản 15;		x	Giữ nguyên như Dự thảo
83.			- Trang 19: Bổ sung nghĩa tiếng Việt cho từ “Unprotected” và			Tiếp thu

TT	Cơ quan góp ý	Điều khoản	Nội dung góp ý	Tiếp thu		Giải trình
				C	K	
			“Protected”			
84.	SCT Dương Bình	Phụ lục 6	Đề nghị bổ sung thông tin về công việc trên nội dung Giấy chứng nhận, để thể hiện rõ công việc của người tham gia vận chuyển .	x		Tiếp thu
85.	Sct Bình Định	Phụ lục 6	Đề nghị điều chỉnh tên “Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hàng công nghiệp nguy hiểm” thành “Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm”, đồng thời trong nội dung Giấy chứng nhận cần có thêm thông tin về “loại hàng hóa nguy hiểm đã được tập huấn” để đảm bảo theo quy định của Nghị định số 42/2020/NĐ-CP, về nội dung các quy định về công tác tập huấn an toàn vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm của các cơ sở. Nhằm tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát hoạt động tập huấn an toàn vận chuyển hàng công nghiệp của các cơ sở, tránh hình thức hoặc chỉ thực hiện trên hồ sơ.	x		Tiếp thu
86.			Đề nghị xem xét, bổ sung quy định việc “các cơ sở, đơn vị tập huấn có trách nhiệm gửi Thông báo về việc tổ chức tập huấn về Sở Công Thương nơi tổ chức lớp tập huấn trước 03 ngày dự kiến tổ chức tập huấn”. Đồng thời bổ sung “Phụ lục biểu mẫu Thông báo của các cơ sở gửi Sở Công Thương” đảm bảo các nội dung thông tin theo quy định, để các Sở Công Thương có cơ chế để thực hiện theo dõi, kiểm soát hoạt động tập huấn của các cơ sở, đảm bảo các nội dung Thông tư đã quy định.		x	Giữ nguyên như dự thảo. Không quy định các TTHC tại Thông tư
87.	SCT Nghệ An	Phụ lục 6	Đề nghị bỏ phần (1) Tên cơ quan quản lý đơn vị tổ chức huấn luyện vì đơn vị có thể tự tổ chức	x		Tiếp thu
88.	SCT Long An	Phụ lục 6	Tại Phụ lục 6: Đề nghị xem xét quy định Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vận chuyển hàng hóa nguy hiểm với kích thước nhỏ gọn, thuận tiện để cá nhân mang theo khi tham gia vận chuyển hàng hóa nguy hiểm.		x	Giữ nguyên như dự thảo. Kích thước 1/2 tờ A4 là phù hợp
89.	Vụ Pháp chế,	Phụ	Việc quy định cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vận		x	Giữ nguyên như dự

TT	Cơ quan góp ý	Điều khoản	Nội dung góp ý	Tiếp thu		Giai trình
				C	K	
	Bộ Thương Công	lục 6	chuyển hàng hóa nguy hiểm theo mẫu tại Phụ lục 6 ban hành kèm Thông tư này làm phát sinh thủ tục hành chính. Theo quy định tại Khoản 4 Điều 14 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015, thủ tục hành chính không được quy định tại Thông tư của Bộ trưởng. Do vậy, đề nghị Quý Cục rà soát và chỉnh sửa cho phù hợp			thảo. Đây là quy định tại Nghị định 42/2020/NĐ-CP. Tại Thông tư chỉ ban hành biểu mẫu để thống nhất thực hiện
90.	SCT Đông Tháp, Hưng Yên, Phú Yên, Lai Châu, Nghệ An, Bình Dương, Long An, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Phụ lục 7	Điều chỉnh nội dung trích yếu tại Phụ lục 7 thành "Danh sách huấn luyện kỹ thuật an toàn vận chuyển hàng hóa nguy hiểm" cho phù hợp với Điểm b Khoản 4 Điều 11 của nội dung Thông tư.	x		Tiếp thu có chỉnh sửa
91.	Cục Hóa chất	Mục III	Đề nghị bổ sung thực hiện các quy định an toàn đối với con người khi tham gia vận chuyển, xếp dỡ hàng hóa nguy hiểm là hóa chất độc hại, nguy hiểm theo các quy định hiện hành		x	Đã quy định tại điểm c Khoản 3 Điều 13
92.	SCT Bình Dương	Phụ lục 8	đề nghị điều chỉnh cột "Chức vụ" thành "Công việc" để thể hiện rõ công việc của người tham gia vận chuyển là đối tượng nào.	x		Tiếp thu có chỉnh sửa. Đổi tên cột "Chức vụ" thành "Nghề nghiệp"